

BÁO CÁO
Kết quả rà soát TTHC trọng tâm năm 2020

Thực hiện Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC), Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC; Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 08/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về phê duyệt Kế hoạch rà soát TTHC năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai báo cáo kết quả thực hiện công tác rà soát TTHC năm 2020 như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN.

Công tác rà soát TTHC trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua, đã tổ chức thực hiện đúng theo tinh thần chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh. Để thực hiện tốt công tác rà soát TTHC trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện công tác rà soát, đánh giá TTHC (Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 08/01/2020), qua đó xác định và phân công trách nhiệm cụ thể cho các sở, ngành, địa phương thực hiện rà soát 06 TTHC nhằm kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ những quy định về TTHC không cần thiết, không phù hợp, không đảm bảo nguyên tắc về quy định và thực hiện TTHC cho người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện TTHC.

Ngoài 06 TTHC nằm trong Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của tỉnh, các đơn vị, địa phương trong quá trình thực hiện, giải quyết TTHC đã phát hiện quy định TTHC còn vướng mắc, bất cập, tiến hành rà soát thêm 04 TTHC.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT TTHC.

Tổng số TTHC kiến nghị phương án đơn giản hóa gồm: 10 TTHC (biểu mẫu rà soát chi tiết tại phụ lục kèm theo), với lợi ích tiết kiệm chi phí tuân thủ TTHC: 119.718.882 đồng/năm và tỉ lệ cắt giảm chi phí 11,52%, cụ thể như sau:

*** TTHC kiến nghị phương án đơn giản hóa:**

1. Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bộ nội dung: Cấp giấy phép lưu hành xe quá khổ giới hạn trên đường bộ đối với tổ hợp đầu kéo kéo rơmooc, sômi rơmooc chuyên dùng (loại có sàn thấp) quá khổ giới hạn bề ngang của đường bộ ($2,5 < B < 3,5$ m) lưu hành bình thường trên các tuyến đường đảm bảo tải trọng, khổ giới hạn đường bộ.

Lý do: Qua quá trình thực hiện theo Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải nhận thấy việc cấp phép lưu hành cho loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (tổ hợp đầu kéo kéo rơmooc, somi rơmooc chuyên dùng – loại có sàn thấp) quá khổ giới hạn bề ngang của đường bộ, không thuộc đối tượng phải thực hiện các điều kiện bắt buộc khi xin cấp giấy phép lưu hành vì:

- Loại phương tiện trên khi lưu thông đều phải được kiểm định và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do Trung tâm Đăng kiểm cấp. Theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT, loại phương tiện trên (kể cả xe không chở hàng) khi lưu hành trên đường bộ phải có giấy phép lưu hành.

- Hồ sơ xin cấp phép được quy định tại Điều 21 Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT khá đơn giản; việc cấp phép của cơ quan cấp phép mang tính chất giải quyết thủ tục hành chính thông thường, lập đi lập lại; Lộ trình chuyển hàng vận chuyển, phương tiện và hàng hóa chuyên chở hoàn toàn do doanh nghiệp khai báo trên hồ sơ, bộ phận cấp phép không trực tiếp kiểm soát được vấn đề này.

- Việc không tách bạch rõ giữa việc cấp giấy phép lưu hành phương tiện quá khổ, quá tải với việc cấp giấy phép lưu hành phương tiện vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng tại Điều 20 Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT, phần Quy định chung *“chỉ cấp giấy phép trong những trường hợp đặc biệt, khi không còn phương án vận chuyển nào khác hoặc không thể sử dụng chủng loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ khác phù hợp”* dẫn đến nhiều địa phương không cấp phép lưu hành quá khổ giới hạn đối với loại xe trên khi triển khai Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT. Để giải quyết vấn đề này, Tổng cục Đường bộ Việt Nam có Văn bản số 3902/TCĐBVN-ATGT ngày 28/7/2016 đề nghị các địa phương cấp giấy phép lưu hành cho các phương tiện.

- Cách hiểu và thực hiện cấp giấy phép lưu hành đối với các loại phương tiện trên là không thống nhất ở các địa phương, do việc thực hiện cấp phép này còn phải áp dụng các hướng dẫn của Tổng cục Đường bộ Việt Nam tại các Văn bản số 3902/TCĐBVN-ATGT ngày 28/7/2016 về việc cấp giấy phép lưu hành xe quá khổ giới hạn đường bộ, Văn bản số 8146/TCĐBVN-ATGT ngày 19/12/2017 về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung trong Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT, văn bản số 8232/TCĐBVN-ATGT ngày 22/12/2017 về việc trả lời và hướng dẫn một số vấn đề liên quan đến công tác cấp giấy phép lưu hành trên đường bộ và Văn bản số 773/TCĐBVN-ATGT ngày 05/02/2018 về việc cấp Giấy phép lưu hành xe chuyên dùng quá khổ giới hạn đường bộ.

- Hoạt động vận tải chủ yếu của loại phương tiện này là chuyên chở các máy thi công công trình (xe máy chuyên dùng). Đặc trưng hoạt động của loại phương

tiện này là hoạt động thường xuyên trên đường bộ, không có tuyến cố định; các chuyến hàng cần vận chuyển là đột xuất, hay thay đổi. Việc thực hiện thủ tục hành chính này làm tăng chi phí hoạt động của doanh nghiệp, chủ phương tiện; trong một số trường hợp còn làm hạn chế khả năng hoạt động kinh doanh của đơn vị đó (ví dụ: đơn vị nhận được 01 đơn hàng cần vận chuyển ngay vào ngày nghỉ); nhu cầu đề nghị cấp phép cho các phương tiện quá khổ trên là thường xuyên và liên tục.

- Hiện nay Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ chỉ quy định cấp giấy phép kinh doanh vận tải đối với đối tượng kinh doanh vận tải, còn đối tượng không kinh doanh thì không phải cấp phép. Đối với đối tượng kinh doanh vận tải bằng ô tô, chỉ quy định phải có Giấy phép lưu hành với trường hợp Kinh doanh vận tải hàng hóa siêu trường, siêu trọng (tại Khoản 2 Điều 9)

1.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 9, 10, 11 Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ, lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bán xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 56.496.812 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 33.729.440 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 22.767.372 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm: 40,30%.

2. Thủ tục Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế

2.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) nơi cư trú hoặc xác nhận của Thủ trưởng đơn vị nơi công tác”.

- Lý do: Nội dung của lý lịch tư pháp đã thể hiện đầy đủ các thông tin về cá nhân xin cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh. Vì vậy, thêm sơ yếu lý lịch là không cần thiết.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Bãi bỏ Điều e, Khoản 1, Điều 27 Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009.

2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 620.691.280 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 588.292.859 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 32.398.421 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm: 5,22 %.

3. Thủ tục Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-Quang chẩn đoán trong y tế)

3.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ thành phần hồ sơ “*Bản sao tài liệu của nhà sản xuất cung cấp thông tin như được khai trong phiếu khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế*”.

Lý do: Là thành phần hồ sơ không cần thiết phải lưu tại cơ quan cấp phép. Khi thực hiện cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế) cho tổ chức đề nghị cấp phép, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ tổ chức thẩm định thực tế tại cơ sở hoạt động sử dụng thiết bị X-quang. Do đó, trong quá trình thẩm định thực tế có thể yêu cầu tổ chức xuất trình tài liệu của nhà sản xuất cung cấp thông tin như được khai trong phiếu khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế để Sở kiểm tra. Như vậy, tổ chức sẽ không tốn chi phí để phô tô thành phần này nộp cùng hồ sơ khi đề nghị giải quyết thủ tục hành chính.

3.2. Kiến nghị thực thi:

Bãi bỏ Khoản 6, Điều 11 Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN ngày 22/7/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 22.022.832 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 21.744.420 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 278.412 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm: 1,26 %.

4. Thủ tục kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án

4.1. Nội dung đơn giản hóa:

Sửa đổi thủ tục kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án quy định tại Khoản 10, Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ theo hướng bỏ nội dung thành phần hồ sơ “*Bản sao Quyết định phê duyệt kèm theo bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được phê duyệt*”.

Lý do: Việc nộp bản sao quyết định phê duyệt kèm theo bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là không cần thiết vì Sở Tài nguyên và Môi trường đã có quyết định phê duyệt kèm theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án (do quyết định phê duyệt kèm theo báo cáo đánh giá tác động môi trường này đã có trong hồ sơ lưu trữ của Sở Tài nguyên và Môi trường khi thực hiện thủ tục phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường).

4.2. Kiến nghị thực thi:

Bãi bỏ “*Bản sao Quyết định phê duyệt kèm theo bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được phê duyệt*” quy định tại Khoản 10, Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

4.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 40.631.253 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 37.028.796 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 3.602.457 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm: 8,87%.

5. Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn

5.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ thành phần hồ sơ “*Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người kinh doanh dịch vụ quảng cáo hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người quảng cáo trong trường hợp tự thực hiện quảng cáo*”.

Lý do: Việc yêu cầu Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người kinh doanh dịch vụ quảng cáo hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người quảng cáo trong trường hợp tự thực hiện quảng cáo là bản chứng thực là thừa. Vì thực tế hiện tại chỉ cần mã số đăng ký kinh doanh là có thể tra cứu cơ sở dữ liệu doanh nghiệp trên mạng.

5.2. Kiến nghị thực thi:

Bãi bỏ Khoản 2, Điều 29 Luật Quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012.

5.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 312.610.045 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 308.393.890 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 4.216.155 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm: 1,35%.

6. Thủ tục cấp phép xuất bản tài liệu không kinh doanh

6.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Bãi bỏ nội dung “*Đối với tài liệu của các đơn vị quân đội nhân dân, công an nhân dân, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản cấp giấy phép xuất bản sau khi có ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc cơ quan được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ủy quyền*”.

- Lý do: Vì tài liệu của các đơn vị quân đội nhân dân, công an nhân dân trên địa bàn tỉnh đề nghị Sở cấp phép chủ yếu nhằm mục đích tuyên truyền, phổ biến các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước không có các nội dung thuộc bí mật nhà nước, những nội dung vi phạm các quy định của pháp luật. Nên việc xin ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc cơ quan được Bộ Quốc

phòng, Bộ Công an ủy quyền làm kéo dài thời gian chuẩn bị hồ sơ, tăng chi phí khi thực hiện thủ tục.

6.2. Kiến nghị thực thi:

Bãi bỏ Khoản 2, Điều 12 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản.

6.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.400.600 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.168.590 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 230.010 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm: 1,61 %.

7. Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III:

7.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bỏ nội dung thành phần hồ sơ "*Bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề đã được cấp*".

Lý do: Chứng chỉ hành nghề do Sở Xây dựng cấp nên công dân không cần thiết nộp bản sao có chứng thực.

7.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng quy định tại Khoản 14 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ theo hướng bỏ nội dung thành phần hồ sơ "*Bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề đã được cấp*".

7.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 60.170.500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 59.370.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 800.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm: 1,33 %.

8. Thủ tục Đăng ký giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi cấp tỉnh 8.1.

Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ nội dung thành phần hồ sơ "*biểu mẫu số 1 (mẫu đăng ký giá) quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/04/2014 của Bộ Tài chính*".

Lý do: Vì hiện nay, đã thực hiện đăng ký giá bằng cơ sở phần mềm dữ liệu giá tại địa phương.

8.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/04/2014 của Bộ Tài chính.

8.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 126.954.480 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 74.056.780 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 52.897.700 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm: 41,67%.

9. Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản

9.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ nội dung thành phần hồ sơ “*Bản sao Chứng minh nhân dân*”.

Lý do: Trong đơn đề nghị xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm đã thể hiện đầy đủ thông tin cá nhân nên việc yêu cầu nộp kèm Bản sao Chứng minh nhân dân là không cần thiết.

9.2. Kiến nghị thực thi:

Bãi bỏ thành phần “Bản sao Chứng minh nhân dân” được quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 10 Thông tư số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BTC ngày 09/4/2014 của Liên bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

9.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 19.440.700 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 16.920.600 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.520.100 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm: 12,96%.

10. Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước

10.1. Nội dung đơn giản hóa:

Bỏ thành phần hồ sơ “*Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân*” của người nhận con nuôi.

Lý do: tại “*Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp*” đã thể hiện được tình trạng hôn nhân của người nhận con nuôi.

10.2. Kiến nghị thực thi:

Bãi bỏ Khoản 4 Điều 17 Luật Nuôi con nuôi năm 2010.

10.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.383.015 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.374.760 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 8.255 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm: 0,6 %.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

Nhìn chung, công tác rà soát, đánh giá quy định TTHC năm 2020 được Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm, chỉ đạo triển khai, thực hiện khẩn trương, nghiêm túc và đầy

đủ theo quy định, hướng dẫn của Trung ương. Các phương án, sáng kiến đơn giản hóa tập trung vào những nội dung: Kiến nghị bãi bỏ, cắt giảm các thành phần hồ sơ không cần thiết, gây phiền hà, tốn kém, mất nhiều thời gian thực hiện của cá nhân, tổ chức.

IV. KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Bộ Giao thông vận tải:

Sửa đổi Điều 9, 10, 11 Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ, lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bán xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ.

2. Đề nghị Bộ Y tế tham mưu:

Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “*Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) nơi cư trú hoặc xác nhận của Thủ trưởng đơn vị nơi công tác*” được quy định tại Điểm e, Khoản 1, Điều 27 Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009.

3. Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ:

Bãi bỏ thành phần hồ sơ “*Bản sao tài liệu của nhà sản xuất cung cấp thông tin như được khai trong phiếu khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế*” quy định tại Khoản 6, Điều 11 Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN ngày 22/7/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường tham mưu:

Bãi bỏ “*Bản sao Quyết định phê duyệt kèm theo bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được phê duyệt*” quy định tại Khoản 10, Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

5. Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu:

Bãi bỏ thành phần hồ sơ “*Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người kinh doanh dịch vụ quảng cáo hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người quảng cáo trong trường hợp tự thực hiện quảng cáo*” quy định tại Khoản 2, Điều 29 Luật Quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012.

6. Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông tham mưu:

Bãi bỏ nội dung “*Đối với tài liệu của các đơn vị quân đội nhân dân, công an nhân dân, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản cấp giấy phép xuất bản sau khi có ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc cơ quan được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ủy quyền*” quy định tại Khoản 2, Điều 12 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản.

7. Đề nghị Bộ Xây dựng tham mưu:

Sửa đổi thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng quy định tại Khoản 14 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ theo hướng bỏ nội dung thành phần hồ sơ “*Bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề đã được cấp*”.

8. Đề nghị Bộ Tài chính:

Sửa đổi Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/04/2014 của Bộ Tài chính theo hướng bỏ biểu mẫu số 1 (mẫu đăng ký giá)

9. Đề nghị Liên bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính:

Bãi bỏ thành phần “Bản sao Chứng minh nhân dân” được quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 10 Thông tư số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BTC ngày 9/4/2014 của Liên bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

10. Đề nghị Bộ Tư pháp tham mưu:

Bãi bỏ Khoản 4 Điều 17 Luật Nuôi con nuôi năm 2010.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác rà soát TTHC trọng tâm năm 2020 của tỉnh Gia Lai.

Nơi nhận:

- Cục Kiểm soát TTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Y tế;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Tiến Đông



Biểu số 01

BIỂU RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên TTHC (+ Mã số hồ sơ trên CSDLQG về TTHC)	Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ 1.000028
2. Lĩnh vực	Đường bộ
3. Văn bản quy định về TTHC	Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
4. Cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông - Sở Giao thông vận tải

II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?	a) Đối với quản lý nhà nước: Mục tiêu a.1: <i>Các phương tiện vận chuyển hàng quá khổ, các phương tiện quá khổ đường bộ được phép vận chuyển hàng hóa trên đường bộ trong trường hợp đặc biệt.</i> - Mục tiêu a.n: b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức: Mục tiêu b.1: <i>Các phương tiện vận chuyển hàng quá khổ, các phương tiện quá khổ đường bộ được phép vận chuyển hàng hóa trên đường bộ trong trường hợp đặc biệt phục vụ kinh tế xã hội</i> Mục tiêu b.n:.....
2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu 1 của TTHC có sự thay đổi hoặc không được đáp ứng?	a) Có thay đổi hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☒ Không ☐ Lý do: <i>Điều kiện quy định tại Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đối với tổ hợp đầu kéo kéo rơmooc, sơ mi rơmooc chuyên dùng</i>



(loại có sàn thấp) quá khổ giới hạn bề ngang của đường bộ ($2,5 < B < 3,5m$) lưu hành trên đường bộ, không thuộc đối tượng được cấp phép. Phải có thêm hướng dẫn tại của Tổng cục ĐBVN có văn bản số 3902/TCĐBVN-ATGT ngày 28/7/2016 đề nghị các địa phương cấp giấy phép lưu hành cho các phương tiện trên.

- Mục tiêu a.n: Có ☐ Không ☐

Lý do:

- Mục tiêu b.1: Có ☐ Không ☒

Lý do:

- Mục tiêu b.n: Có ☐ Không ☐

Lý do:

b) Có được đáp ứng hay không?

- Mục tiêu a.1: Có ☒ Không ☐

Lý do:

- Mục tiêu a.n: Có ☐ Không ☐

Lý do:

- Mục tiêu b.1: Có ☒ Không ☐

Lý do:

- Mục tiêu b.n: Có ☐ Không ☐

Lý do:

3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi mục tiêu của TTHC thay đổi hoặc không được đáp ứng?

a) Duy trì TTHC: ☒

Lý do: chỉ cấp phép trong các trường hợp đặc biệt, khi không còn phương án vận chuyển nào khác.

b) Bãi bỏ TTHC: ☒

Lý do:

c) Thay thế TTHC: ☐



Lý do:

d) Sửa đổi, bổ sung TTHC: ☒

Lý do: Tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong hoạt động kinh doanh vận tải; phù hợp với loại hình kinh doanh vận tải của phương tiện trên.

e) Áp dụng biện pháp khác (không phải TTHC): ☐

Lý do: đề xuất Bộ GTVT điều chỉnh miễn cấp phép đối với loại phương tiện trên

4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?

Có ☐ Không ☒

Nếu CÓ,

- Đối với TTHC 1:

(i) Nội dung thay đổi:

(ii) Lý do:

- Đối với TTHC n:

(i) Nội dung thay đổi:

(ii) Lý do:

III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC

1. Tên thủ tục hành chính

Có được quy định rõ ràng, thống nhất và phù hợp không?

Có ☒ Không ☐

(i) Lý do: *Được quy định tại Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải*

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

2. Trình tự thực hiện

a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp không?

Có ☒ Không ☐

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

b) Có được quy định hợp lý giữa các

Có ☒ Không ☐



bước không?	(i) Lý do: <i>Các bước được thực hiện đúng quy trình, có kiểm tra, đối chiếu và ra kết quả</i> (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
3. Các bước thực hiện	
Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp với đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: <i>Được quy định rõ Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ GTVT.</i> (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
4. Hồ sơ	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ; nội dung thông tin của từng thành phần hồ sơ có phục vụ cho xem xét, giải quyết thủ tục hành chính; đã loại trừ hồ sơ trùng lặp hoặc đã được lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan hay không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Có được quy định rõ ràng và phù hợp về số lượng không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: <i>Quy định rõ mỗi hồ sơ chỉ 01 bản.</i> (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
5. Thời hạn giải quyết	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: <i>Giấy phép được cấp không quá 02 ngày từ khi đơn vị nộp đầy đủ hồ sơ.</i> (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng,	Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	
6. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: <i>Quy định rõ Sở Giao thông vận tải</i> (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Có thể ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ):
7. Đối tượng thực hiện	
a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: Thu hẹp đối tượng, Vì các phương tiện xe ô tô kinh doanh vận tải (tổ hợp đầu kéo kéo rơmooc, somi rơmooc chuyên dùng – loại có sàn thấp) của các tổ chức đã đáp ứng các yêu cầu Nghị định 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 khi đăng ký kinh doanh; trước khi lưu hành trên đường bộ đã có giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô tô (điều 9 Nghị định 10/2020/NĐ-CP) chỉ trường hợp Kinh doanh vận tải hàng hóa siêu trường, siêu trọng mới quy định có giấy phép lưu hành xe. Các tuyến đường quốc lộ trên toàn quốc đã được công bố tải trọng, khổ giới hạn trên trang mạng của Tổng cục Đường bộ Việt Nam. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): Đề xuất miễn cấp GPLH đối với loại phương tiện trên khi lưu thông trên các tuyến đường đảm bảo tải trọng, khổ giới hạn đã được công bố.....
b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?	Có ☐ Không ☒ (i) Lý do:..... (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ):
8. Phí, lệ phí	

 a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không?	- Phí: Có ☐ Không ☒ - Lệ phí: Có ☐ Không ☒ - Chi phí khác: Có ☐ Không ☒
b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về phí: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: Không thu phí (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức phí: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về lệ phí: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức lệ phí: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
d) Quy định về chi phí khác có hợp lý, hợp pháp không?	- Về chi phí khác: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức chi phí khác: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không?	Có ☐ Không ☐



(i) Lý do: Không thu phí

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

9. Mẫu đơn, tờ khai

Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?

Có ☒ Không ☐(i) Lý do: *Được quy định rõ tại Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải*

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

Mẫu đơn, tờ khai 1:**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

a) Nội dung thông tin

- Nội dung 1: Tên đơn vị kinh doanh vận tải, địa chỉ trụ sở, số điện thoại,.Cần thiết: Có ☒ Không ☐Hợp lý: Có ☒ Không ☐Hợp pháp: Có ☒ Không ☐Lý do: *Để xác thực thông tin đơn vị cấp giấy phép.***Nội dung 2: Thông tin phương tiện đề nghị cấp Giấy phép.**Cần thiết: Có ☒ Không ☐Hợp lý: Có ☒ Không ☐Hợp pháp: Có ☒ Không ☐(i) Lý do: *để cơ quan quản lý biết được phương tiện có đủ điều kiện xin cấp giấy hay không.***-Nội dung 3: Mục đích chuyến đi.**Cần thiết: Có ☒ Không ☐Hợp lý: Có ☒ Không ☐Hợp pháp: Có ☒ Không ☐(i) Lý do: *để cơ quan quản lý biết được đơn vị đi với mục đích gì (cá nhân, công vụ, mục đích khác...)*

b) Yêu cầu xác nhận (nếu có)

Cần thiết: Có ☐ Không ☐Hợp lý: Có ☐ Không ☐Hợp pháp: Có ☐ Không ☐

Nếu KHÔNG, nêu rõ:

(i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý:



c) Ngôn ngữ

Cần thiết: Có ☐ Không ☐;
☐Hợp lý: Có ☐ Không ☐;Hợp pháp: Có ☐ Không ☐

Nếu KHÔNG, nêu rõ:

(i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý:

10. Yêu cầu, điều kiện

TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?

Có ☒ Không ☐(i) Lý do: *yêu cầu phương tiện đảm bảo đầy đủ điều kiện theo Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải.*

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

Yêu cầu, điều kiện 1:

Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☒ Không ☐(i) Lý do: *Được quy định rõ tại Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải.*

(ii) (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

11. Kết quả thực hiện

a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không?

Có ☒ Không ☐

(i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?

Có ☒ Không ☐

(i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?

Hợp lý: Có ☒ Không ☐; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐(i) Lý do: *Đúng theo Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ GTVT*



	(ii) (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): S
c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: Đúng theo Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ GTVT (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định)	
a) Luật ☐	
b) Pháp lệnh ☐	
c) Nghị định ☒	
d) Quyết định của TTCP ☐	
đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch ☐	Điều 9, Điều 10, Điều 11 Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
e) Quyết định của Bộ trưởng ☐	
g) Văn bản khác ☐	



Biểu số 02

BIỂU RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. THÔNG TIN CHUNG	
1. Tên TTHC (+ Mã số hồ sơ trên CSDLQG về TTHC)	Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế 1.003709
2. Lĩnh vực	Khám, chữa bệnh
3. Văn bản quy định về TTHC	- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12. - Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ. - Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ - Thông tư 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.
4. Cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát	Sở Y tế tỉnh Gia Lai
II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?	a) Đối với quản lý nhà nước: Mục tiêu a.1: <i>Nhằm quản lý các cá nhân có đủ trình độ chuyên môn theo quy định để hành nghề khám, chữa bệnh và hoạt động lâm sàng theo quy định của pháp luật.</i> b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức: Mục tiêu b.1: <i>Giảm thành phần hồ sơ, giảm chi phí trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.</i>
2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC có sự thay đổi hoặc không được đáp ứng?	a) Có thay đổi hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☐ Không ☒ - Mục tiêu b.1: Có ☐ Không ☒ b) Có được đáp ứng hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☒ Không ☐ - Mục tiêu b.1: Có ☒ Không ☐ Lý do: Việc cấp chứng chỉ hành nghề y trong thành phần hồ sơ đã có lý lịch tư pháp thể hiện đầy đủ các



	thông tin về cá nhân xin cấp chứng chỉ. Vì vậy, thêm lý lịch tự thuật là không cần thiết.
3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi mục tiêu của TTHC thay đổi hoặc không được đáp ứng?	a) Duy trì TTHC: ☐ Lý do: b) Bãi bỏ TTHC: ☐ Lý do: c) Thay thế TTHC: ☐ Lý do: d) Sửa đổi, bổ sung TTHC: ☒ Sửa đổi quy định tại Điểm e, Khoản 1, Điều 27 Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 như sau: Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) nơi cư trú hoặc xác nhận của Thủ trưởng đơn vị nơi công tác . e) Áp dụng biện pháp khác (không phải TTHC): ☐ Lý do:
4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?	Có ☐ Không ☒ Nếu CÓ, - Đối với TTHC 1: (i) Nội dung thay đổi: (ii) Lý do: - Đối với TTHC n: (i) Nội dung thay đổi: (ii) Lý do:
III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC	
1. Tên thủ tục hành chính	

 Có được quy định rõ ràng, thống nhất và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do..... (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do..... (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Có được quy định cụ thể các bước, nội dung công việc, trách nhiệm thực hiện của từng bước không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do..... (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
3. Cách thức thực hiện	
Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp với đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết TTHC không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do..... (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
4. Hồ sơ	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ; nội dung thông tin của từng thành phần hồ sơ có phục vụ cho xem xét, giải quyết thủ tục hành chính; đã loại trừ hồ sơ trùng lặp hoặc đã được lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan hay không?	Có ☐ Không ☒ - (i) Lý do: Nội dung của lý lịch tư pháp đã thể hiện đầy đủ các thông tin về cá nhân xin cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh. Vì vậy, thêm sơ yếu lý lịch là không cần thiết. - (ii) Phương án xử lý: Bãi bỏ Điểm e, Khoản 1, Điều 27 Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 như sau:

 b) Có được quy định rõ ràng và phù hợp về số lượng không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do..... (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG).....
5. Thời hạn giải quyết	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐
Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☐ Không ☐ (i) Lý do..... (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG).....
6. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do..... (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG).....
b) Có thể ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ i) Lý do..... (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ).....
7. Đối tượng thực hiện	
a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không?	Có ☐ Không ☒ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?	Có ☐ Không ☒

8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không?	- Phí: Có ☒ Không ☐ - Lệ phí: Có ☐ Không ☒ - Chi phí khác: Có ☐ Không ☒
b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về phí: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức phí: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về lệ phí: Có ☐ Không ☐ - Về mức lệ phí: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
d) Quy định về chi phí khác có hợp lý, hợp pháp không?	- Về chi phí khác: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức chi phí khác: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
9. Mẫu đơn, tờ khai	
Có quy định về mẫu đơn, tờ khai	Có ☒ Không ☐

không?	(i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Mẫu đơn, tờ khai 1: Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề	
a) Nội dung thông tin	- Nội dung 1: Thông tin cá nhân người nghị cấp chứng chỉ hành nghề y Cần thiết: Có ☒ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ - Nội dung 2: Nội dung việc đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề Cần thiết: Có ☒ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐
b) Yêu cầu xác nhận	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
c) Ngôn ngữ	Cần thiết: Có ☒ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
10. Yêu cầu, điều kiện	
TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?	Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
Yêu cầu, điều kiện 1:	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):



Yêu cầu, điều kiện n:	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
11. Kết quả thực hiện	
a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định)	
a) Luật ☒	Bãi bỏ Điểm e, Khoản 1, Điều 27 Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009.
b) Pháp lệnh ☐	
c) Nghị định ☐	
d) Quyết định của TTCP ☐	
đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch ☐	
e) Quyết định của Bộ trưởng ☐	
g) Văn bản khác ☐	



BIỂU RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. THÔNG TIN CHUNG	
1. Tên TTHC (+ Mã số hồ sơ trên CSDLQG về TTHC)	Thủ tục Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-Quang chẩn đoán trong y tế) 2.000086
2. Lĩnh vực	Năng lượng nguyên tử, An toàn bức xạ và Hạt nhân
3. Văn bản quy định về TTHC	Thông tư 08/2010/TT-BKHCN ngày 22 tháng 7 năm 2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về việc khai báo, cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ và cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ.
4. Cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai
II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?	a) Đối với quản lý nhà nước: Mục tiêu a.1: <i>Quản lý việc sử dụng thiết bị X-Quang chẩn đoán trong y tế đảm bảo theo quy định pháp luật.</i> b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức: Mục tiêu b.1: <i>Đủ điều kiện sử dụng thiết bị X-Quang chẩn đoán trong y tế, đảm bảo an toàn cho người sử dụng và khách hàng.</i>
2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC có sự thay đổi hoặc không được đáp ứng?	a) Có thay đổi hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☐ Không ☒ Lý do: - Mục tiêu b.1: Có ☐ Không ☒ Lý do: b) Có được đáp ứng hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☒ Không ☐ Lý do: - Mục tiêu b.1: Có ☐ Không ☒



	Lý do:
3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi mục tiêu của TTHC thay đổi hoặc không được đáp ứng?	a) Duy trì TTHC: ☐ Lý do: b) Bãi bỏ TTHC: ☐ Lý do: c) Thay thế TTHC: ☐ Lý do: d) Sửa đổi, bổ sung TTHC: ☒ Đề nghị sửa đổi nội dung về thành phần hồ sơ. Cụ thể: bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao tài liệu của nhà sản xuất cung cấp thông tin như được khai trong phiếu khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế”. Lý do: Gây mất thời gian và tốn kém cho người dân, tổ chức khi nộp hồ sơ yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính. e) Áp dụng biện pháp khác (không phải TTHC): ☐ Lý do:
4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?	Có ☐ Không ☒ Nếu CÓ, - Đối với TTHC 1: (i) Nội dung thay đổi: (ii) Lý do: - Đối với TTHC n: (i) Nội dung thay đổi: (ii) Lý do:
III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, thống nhất và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do:

		(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
2. Trình tự thực hiện		
a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐	(i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Có được quy định cụ thể các bước, nội dung công việc, trách nhiệm thực hiện của từng bước không?	Có ☒ Không ☐	(i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
3. Cách thức thực hiện		
Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp với đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐	(i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
4. Hồ sơ		
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ; nội dung thông tin của từng thành phần hồ sơ có phục vụ cho xem xét, giải quyết thủ tục hành chính; đã loại trừ hồ sơ trùng lặp hoặc đã được lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan hay không?	Có ☒ Không ☐	(i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Có được quy định rõ ràng và phù hợp về số lượng không?	Có ☒ Không ☐	(i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

5. Thời hạn giải quyết

Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?

Có ☒ Không ☐

(i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?

Có ☐ Không ☐

(i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

6. Cơ quan giải quyết

a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?

Có ☒ Không ☐

(i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

b) Có thể ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?

Có ☐ Không ☒

(i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ):

7. Đối tượng thực hiện

a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không?

Có ☐ Không ☒

(i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ):

b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?

Có ☐ Không ☒

(i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ):

8. Phí, lệ phí

 a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không?	- Phí: Có ☒ Không ☐ - Lệ phí: Có ☐ Không ☒ - Chi phí khác: Có ☐ Không ☒
b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về phí: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: Chi phí thẩm định máy X- Quang cao nên mức phí như quy định là hợp lý. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức phí: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về lệ phí: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức lệ phí: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
d) Quy định về chi phí khác có hợp lý, hợp pháp không?	- Về chi phí khác: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức chi phí khác: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: Nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

9. Mẫu đơn, tờ khai



Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Mẫu đơn, tờ khai 1: Bản sao tài liệu của nhà sản xuất cung cấp thông tin như được khai trong phiếu khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	
a) Nội dung thông tin	- Nội dung 1: Bản sao tài liệu của nhà sản xuất cung cấp thông tin như được khai trong phiếu khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế Cần thiết: Có ☐ Không ☒ Hợp lý: Có ☒ Không ☐ Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: Gây tổn kém cho người dân và tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính. Thành phần hồ sơ này không cần thiết phải lưu hồ sơ của cơ quan cấp phép. Khi thực hiện cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-Quang chẩn đoán trong y tế) cho tổ chức đề nghị cấp phép, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ tổ chức thẩm định thực tế tại cơ sở hoạt động sử dụng thiết bị X-Quang. Do đó, trong quá trình thẩm định thực tế có thể yêu cầu tổ chức xuất trình tài liệu của nhà sản xuất cung cấp thông tin như được khai trong phiếu khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế để Sở kiểm tra. Như vậy tổ chức sẽ không tốn chi phí để phô tô thành phần này nộp cùng hồ sơ khi đề nghị giải quyết thủ tục hành chính. (ii) Phương án xử lý: bãi bỏ thành phần “Bản sao tài liệu của nhà sản xuất cung cấp thông tin như được khai trong phiếu khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế” trong yêu cầu thành phần hồ sơ của thủ tục.
b) Yêu cầu xác nhận (nếu có)	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ Hợp lý: Có ☐ Không ☐ Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
c) Ngôn ngữ	Cần thiết: Có ☒ Không ☐ Hợp lý: Có ☒ Không ☐ Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
Mẫu đơn, tờ khai n:	
10. Yêu cầu, điều kiện	

 TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?	Có ☐ Không ☒ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
11. Kết quả thực hiện	
a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định)	
a) Luật ☐	
b) Pháp lệnh ☐	
c) Nghị định ☐	
d) Quyết định của TTCP ☐	
đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch ☒	Bãi bỏ Khoản 6, Điều 11 Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN ngày 22/7/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
e) Quyết định của Bộ trưởng ☐	
g) Văn bản khác ☐	



Biểu số 04

BIỂU RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên TTHC (+ Mã số hồ sơ trên CSDLQG về TTHC)	Thủ tục kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án 1.004356
2. Lĩnh vực	Môi trường
3. Văn bản quy định về TTHC	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014. - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường. - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường. - Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.
4. Cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai

II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?	a) Đối với quản lý nhà nước: Mục tiêu a.1: <i>Buộc Chủ dự án phải đầu tư xây dựng và lắp đặt các công trình xử lý chất thải theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, đảm bảo chất thải được xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường.</i> b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức:
------------------------------------	---



	Mục tiêu b.1: <i>Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường để được phép hoạt động, xây dựng và lắp đặt các công trình xử lý chất thải theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, đảm bảo chất thải được xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường, đảm bảo vệ sinh môi trường làm việc và không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.</i>
2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC có sự thay đổi hoặc không được đáp ứng?	a) Có thay đổi hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☐ Không ☒ Lý do: - Mục tiêu b.1: Có ☐ Không ☒ Lý do: b) Có được đáp ứng hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☒ Không ☐ Lý do: . - Mục tiêu b.1: Có ☒ Không ☐ Lý do:
3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi mục tiêu của TTHC thay đổi hoặc không được đáp ứng?	a) Duy trì TTHC: ☐ Lý do: b) Bãi bỏ TTHC: ☐ Lý do: c) Thay thế TTHC: ☐ Lý do: d) Sửa đổi, bổ sung TTHC: ☒ <i>Đề nghị bổ nội dung: 01 bản sao quyết định phê duyệt/phê duyệt điều chỉnh kèm theo bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được phê duyệt.</i> - Lý do: Tiết kiệm chi phí cho tổ chức vì báo cáo đánh giá tác động môi trường này đã có trong hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường khi thực hiện thủ tục phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. e) Áp dụng biện pháp khác (không phải TTHC): ☐ Lý do:

4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?

Có ☐ Không ☒

Nếu Có,

- Đối với TTHC 1:

(i) Nội dung thay đổi:

(ii) Lý do:

- Đối với TTHC n:

(i) Nội dung thay đổi:

(ii) Lý do:

III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC

1. Tên thủ tục hành chính

Có được quy định rõ ràng, thống nhất và phù hợp không?

Có ☒ Không ☐

(i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

2. Trình tự thực hiện

a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp không?

Có ☒ Không ☐

(i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
.....

b) Có được quy định hợp lý giữa các bước không?

Có ☒ Không ☐

(i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

3. Cách thức thực hiện

Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp với đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?

Có ☒ Không ☐

(i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

4. Hồ sơ

a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ; nội dung thông tin của từng thành phần hồ sơ có phục vụ cho xem xét, giải quyết thủ tục hành chính; đã loại trừ hồ sơ trùng lặp hoặc đã được lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan hay không?

Có ☐ Không ☒

(i) Lý do: Việc nộp bản sao quyết định phê duyệt kèm theo bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là không cần thiết vì Sở Tài nguyên và Môi trường đã có quyết định phê duyệt kèm theo báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án rồi (do Sở TN&MT là cơ quan thường trực thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường).

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): Đề nghị bỏ quy định nộp 01 bản sao quyết định phê duyệt/phê duyệt điều chỉnh kèm theo bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được phê duyệt để tiết kiệm chi phí cho tổ chức khi thực hiện TTHC.

b) Có được quy định rõ ràng và phù hợp về số lượng không?

Có ☒ Không ☐

(i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

5. Thời hạn giải quyết

Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?

Có ☒ Không ☐

(i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

6. Cơ quan giải quyết

a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?

Có ☒ Không ☐

(i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

b) Có thể ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?

Có ☐ Không ☒

(i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ):

7. Đối tượng thực hiện

a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối

Có ☐ Không ☒

tương tự như không?	(i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ):
b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?	Có ☐ Không ☒ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ):
8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không?	- Phí: Có ☐ Không ☒ - Lệ phí: Có ☐ Không ☒ - Chi phí khác: Có ☐ Không ☒
b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về phí: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức phí: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về lệ phí: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức lệ phí: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
d) Quy định về chi phí khác có hợp lý, hợp pháp không?	- Về chi phí khác: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức chi phí khác: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do:

	(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
9. Mẫu đơn, tờ khai	
Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
<i>Mẫu đơn, tờ khai 1: Văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án</i>	
a) Nội dung thông tin	- Nội dung 1: Thông tin của tổ chức, cá nhân đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường Cần thiết: Có ☒ Không ☐ Hợp lý: Có ☒ Không ☐ Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ - Nội dung 2: Địa chỉ, Số điện thoại, Số fax:. Cần thiết: Có ☒ Không ☐ Hợp lý: Có ☒ Không ☐ Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ - Nội dung 3: Báo cáo kết quả hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường Cần thiết: Có ☒ Không ☐ Hợp lý: Có ☒ Không ☐ Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ - Nội dung 4: (Tên tổ chức, cá nhân)..... đã thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải (tên báo cáo)..... Cần thiết: Có ☒ Không ☐ Hợp lý: Có ☒ Không ☐ Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ - Nội dung 5: (Tên tổ chức, cá nhân)..... xin chịu trách nhiệm trước (Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương/Sở Tài nguyên và Môi trường)..... về tính trung thực của các thông tin, số liệu nêu trong các tài liệu trong báo cáo. Cần thiết: Có ☒ Không ☐ Hợp lý: Có ☒ Không ☐ Hợp pháp: Có ☒ Không ☐
b) Yêu cầu xác nhận (nếu có)	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ Hợp lý: Có ☐ Không ☐ Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ: (i) Lý do:



	(ii) Phương án xử lý:
c) Ngôn ngữ	Cần thiết: Có ☒ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
10. Yêu cầu, điều kiện	
TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?	Có ☐ Không ☒ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
11. Kết quả thực hiện	
a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định)	
a) Luật ☐	
b) Pháp lệnh ☐	
c) Nghị định ☒	Bãi bỏ “ <i>Bản sao Quyết định phê duyệt kèm theo bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được phê duyệt</i> ” quy định tại Khoản 10, Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

d) Quyết định của TTCP	☐	
đ) Thông tư Thông tư liên tịch	☐	
e) Quyết định của Bộ trưởng	☐	
g) Văn bản khác	☐	



BIỂU RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. THÔNG TIN CHUNG	
1. Tên TTHC (+ Mã số hồ sơ trên CSDLQG về TTHC)	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn 1.004650
2. Lĩnh vực	Văn hóa cơ sở
3. Văn bản quy định về TTHC	- Điều 29, Điều 30 của Luật quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014. - Khoản 2 Điều 9 của Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2014.
4. Cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?	a) Đối với quản lý nhà nước: Mục tiêu a.1: Đảm bảo quản lý hoạt động quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai. b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức: Mục tiêu b.1: Báo đảm cá nhân khi hoạt động quảng cáo văn bản đồng ý của cơ quan có thẩm quyền để xuất trình khi thực hiện quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn Mục tiêu b.2: Cá nhân thực hiện TTHC nhanh, gọn, không phát sinh giấy tờ dư thừa.
2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC có sự thay đổi hoặc không được đáp ứng?	a) Có thay đổi hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☐ Không ☒ - Mục tiêu b.1: Có ☐ Không ☒



	- Mục tiêu b.2: Có ☐ Không ☒ b) Có được đáp ứng hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☒ Không ☐ - Mục tiêu b.1: Có ☒ Không ☐ - Mục tiêu b.2: Có ☐ Không ☒ Lý do: Việc yêu cầu Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người kinh doanh dịch vụ quảng cáo hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người quảng cáo trong trường hợp tự thực hiện quảng cáo là bản chứng thực là thừa. Vì thực tế hiện tại chỉ cần mã số đăng ký kinh doanh là có thể tra cứu cơ sở dữ liệu doanh nghiệp trên mạng.
3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi mục tiêu của TTHC thay đổi hoặc không được đáp ứng?	a) Duy trì TTHC: ☐ Lý do: b) Bãi bỏ TTHC: ☐ Lý do: c) Thay thế TTHC: ☐ Lý do: d) Sửa đổi, bổ sung TTHC: ☒ - Bỏ Khoản 2, Điều 29 Luật quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012 như sau: Bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người kinh doanh dịch vụ quảng cáo hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người quảng cáo trong trường hợp tự thực hiện quảng cáo.” e) Áp dụng biện pháp khác (không phải TTHC): ☐ Lý do:
4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?	Có ☐ Không ☒ Nếu CÓ, - Đối với TTHC 1: (i) Nội dung thay đổi:



- (ii) Lý do:
- Đối với TTHC n:
- (i) Nội dung thay đổi:
- (ii) Lý do:

III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC

1. Tên thủ tục hành chính

Có được quy định rõ ràng, thống nhất và phù hợp không?

Có ☒ Không ☐

(i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

2. Trình tự thực hiện

a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp không?

Có ☒ Không ☐

(i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

b) Có được quy định hợp lý giữa các bước không?

Có ☒ Không ☐

(i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

3. Cách thức thực hiện

Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp với đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết TTHC không?

Có ☒ Không ☐

(i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

4. Hồ sơ

a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ;

Có ☐ Không ☒

(i) Lý do: Việc yêu cầu Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người kinh doanh dịch vụ

 nội dung thông tin của từng thành phần hồ sơ có phục vụ cho xem xét, giải quyết thủ tục hành chính, đã loại trừ hồ sơ trùng lặp hoặc đã được lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan hay không?	quảng cáo hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người quảng cáo trong trường hợp tự thực hiện quảng cáo là bản chứng thực là thừa. Vì thực tế hiện tại chỉ cần mã số đăng ký kinh doanh là có thể tra cứu cơ sở dữ liệu doanh nghiệp trên mạng (ii) Phương án xử lý: Bỏ Khoản 2, Điều 29 Luật quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012 như sau: Bỏ thành phần hồ sơ “<i>Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người kinh doanh dịch vụ quảng cáo hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người quảng cáo trong trường hợp tự thực hiện quảng cáo.</i>”
b) Có được quy định rõ ràng và phù hợp về số lượng không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do:..... (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
5. Thời hạn giải quyết	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ i) Lý do:..... (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
6. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do:..... (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Có thể ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ i) Lý do:..... (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
7. Đối tượng thực hiện	
a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không?	Có ☐ Không ☒ (i) Lý do:..... (ii) Phương án xử lý:



b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?

Có ☐ Không ☒

i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

8. Phí, lệ phí

a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không?

- Phí: Có ☐ Không ☒

- Lệ phí: Có ☐ Không ☒

- Chi phí khác: Có ☐ Không ☒

b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không?

- Về phí: Có ☐ Không ☐

(i) Lý do :

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

- Về mức phí: Có ☐ Không ☐

(i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không?

- Về lệ phí: Có ☐ Không ☐

- Về mức lệ phí: Có ☐ Không ☐

(i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

d) Quy định về chi phí khác có hợp lý, hợp pháp không?

- Về chi phí khác: Có ☐ Không ☐

(i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

- Về mức chi phí khác: Có ☐ Không ☐

(i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không?

Có ☐ Không ☐

(i) Lý do:

		(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
9. Mẫu đơn, tờ khai		
Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
10. Yêu cầu, điều kiện		
TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?	Có ☐ Không ☒ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
11. Kết quả thực hiện		
a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không?	Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: Không quy định về thời hạn có hiệu lực của kết quả. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định)		
a) Luật ☒	Bãi bỏ Khoản 2, Điều 29 Luật Quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012.	
b) Pháp lệnh ☐		



c) Nghị định	☐	
d) Quyết định của TTCP	☐	
đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch	☐	
e) Quyết định của Bộ trưởng	☐	
g) Văn bản khác	☐	

BIỂU RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I. THÔNG TIN CHUNG**1. Tên TTHC**
(+ Mã số hồ sơ trên CSDLQG về TTHC)Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh
1.003868**2. Lĩnh vực**

Xuất bản, in và phát hành

3. Văn bản quy định về TTHC

- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;
 - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;
 - Thông tư số 214/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản, lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh và lệ phí đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh;
 - Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.
 - Thông tư số 43/2020/TT-BTC ngày 26/5/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản, lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh, lệ phí đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh

4. Cơ quan thực hiện rà soát

Sở Thông tin và Truyền thông

II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?**

a) Đối với quản lý nhà nước:

Mục tiêu a.1: Nhằm quản lý và giám sát các tổ chức trong việc xuất bản các tài liệu không mang mục đích kinh doanh, không được xuất bản bởi các nhà xuất bản của nhà nước.



	Mục tiêu a.n: Việc Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh là rất cần thiết, nhằm đảm bảo việc xuất bản các tài liệu không mang những nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tuyên truyền kích động chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước; kích động bạo lực; truyền bá tư tưởng phản động, lối sống dâm ô, đồi trụy, hành vi tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong mỹ tục; tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác do pháp luật quy định; xuyên tạc sự thật lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm dân tộc, danh nhân, anh hùng dân tộc; không thể hiện hoặc thể hiện không đúng chủ quyền quốc gia; vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức và danh dự, nhân phẩm của cá nhân. b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức: Mục tiêu b.1: Các Tổ chức sẽ được cấp phép xuất bản tài liệu không kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật; Mục tiêu b.n: Các tổ chức được cấp phép in ấn các tài liệu nhằm phục vụ cho mục đích tuyên truyền của đơn vị mình theo đúng với quy định của pháp luật. Các tổ chức phải đáp ứng đủ yêu cầu điều kiện được phép xuất bản tài liệu không kinh doanh.
2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC có sự thay đổi hoặc không được đáp ứng?	a) Có thay đổi hay không? - Mục tiêu a. 1: Có ☐ Không ☒ Lý do: Giúp cơ quan quản lý nhà nước quản lý các tổ chức xuất bản tài liệu không kinh doanh trên địa bàn tỉnh được thuận lợi, theo đúng quy định của pháp luật. - Mục tiêu a.n: Có ☐ Không ☒ Lý do: Giúp cơ quan quản lý nhà nước quản lý các tổ chức xuất bản tài liệu không kinh doanh trên địa bàn tỉnh được thuận lợi, theo đúng quy định của pháp luật. - Mục tiêu b.1: Có ☐ Không ☒ Lý do: - Mục tiêu b.n: Có ☐ Không ☒ Lý do: b) Có được đáp ứng hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☒ Không ☐ Lý do:



	- Mục tiêu a.n: Có ☒ Không ☐ Lý do: - Mục tiêu b.1: Có ☒ Không ☐ Lý do: - Mục tiêu b.n: Có ☒ Không ☐ Lý do:
3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi mục tiêu của TTHC thay đổi hoặc không được đáp ứng?	a) Duy trì TTHC: ☐ Lý do: b) Bãi bỏ TTHC: ☐ Lý do: c) Thay thế TTHC: ☐ Lý do: d) Sửa đổi, bổ sung TTHC: ☒ <i>Đề nghị bãi bỏ yêu cầu trong thành phần hồ sơ: Tài liệu của các đơn vị quân đội nhân dân, công an nhân dân phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc cơ quan được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ủy quyền.</i> Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi, giải quyết nhanh, tiết kiệm chi phí cho tổ chức là các đơn vị quân đội nhân dân, công an nhân dân tại địa phương đến nộp hồ sơ đề nghị Cấp phép xuất bản tài liệu không kinh doanh . e) Áp dụng biện pháp khác (không phải TTHC): ☐ Lý do:
4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?	Có ☐ Không ☒ Nếu CÓ, - Đối với TTHC 1: (i) Nội dung thay đổi: (ii) Lý do: - Đối với TTHC n: (i) Nội dung thay đổi: (ii) Lý do:
III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC	

1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, thống nhất và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Có được quy định cụ thể các bước, nội dung công việc, trách nhiệm thực hiện của từng bước không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
3. Cách thức thực hiện	
Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp với đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
4. Hồ sơ	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ; nội dung thông tin của từng thành phần hồ sơ có phục vụ cho xem xét, giải quyết thủ tục hành chính; đã loại trừ hồ sơ trùng lặp hoặc đã được lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

tin giữa các cơ quan hay không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
5. Thời hạn giải quyết	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: Thời hạn quy định 15 ngày làm việc; có thể rút ngắn được, thời gian thẩm định cấp phép giảm 03 ngày xuống còn 12 ngày (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☐ Không ☒ (i) Lý do: Thủ tục này chỉ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
6. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Có thể ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ (i) Lý do: Thủ tục này thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông, nên không thực hiện việc ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện được. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ):
7. Đối tượng thực hiện	

 a) Có thể mở rộng/thu hẹp đối tượng tuân thủ không?	Có ☐ Không ☒ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ):
b) Có thể mở rộng/thu hẹp phạm vi áp dụng không?	Có ☐ Không ☒ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ):
8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không?	- Phí: Có ☒ Không ☐ - Lệ phí: Có ☐ Không ☐ - Chi phí khác: Có ☐ Không ☐
b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về phí: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức phí: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về phí: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức phí: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
d) Quy định về chi phí khác có hợp lý, hợp pháp không?	- Về chi phí khác: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

	- Về mức chi phí khác: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
9. Mẫu đơn, tờ khai	
Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Mẫu đơn, tờ khai 1: Đơn đề nghị Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	
a) Nội dung thông tin	- Nội dung 1: Tên cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản Cần thiết: Có ☒ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: Để biết được tên cơ quan, tổ chức đề nghị cấp phép xuất bản. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Nội dung 2: Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp(đối với doanh nghiệp); Số quyết định thành lập(đối với đơn vị sự nghiệp công lập); Số giấy phép hoạt động (đối với cơ quan, tổ chức nước ngoài). Cần thiết: Có ☒ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: Để nắm được thông tin của cơ quan, tổ chức xin phép. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Nội dung 3: Địa chỉ, Số điện thoại, Số fax, Email: Cần thiết: Có ☒ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: Để xác thực thông tin đơn vị đề nghị cấp phép xuất bản tài liệu không kinh doanh



(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

- Nội dung 4: Tên tài liệu

Cần thiết: Có ☒ Không ☐; Hợp lý: Có ☒ Không ☐; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐

(i) Lý do: Để xác định được tên của tài liệu xin cấp phép.

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

- Nội dung 5: Xuất xứ

Cần thiết: Có ☒ Không ☐; Hợp lý: Có ☒ Không ☐; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐

(i) Lý do: Để xác định được nguồn gốc xuất xứ của tài liệu xin cấp phép.

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

- Nội dung 6: Hình thức tài liệu

Cần thiết: Có ☒ Không ☐; Hợp lý: Có ☒ Không ☐; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐

(i) Lý do: Để xác định hình thức của tài liệu xin cấp phép là tờ rời, tờ gấp hay dưới dạng tập tài liệu.

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

- Nội dung 7: Số trang

Cần thiết: Có ☒ Không ☐; Hợp lý: Có ☒ Không ☐; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐

(i) Lý do: Để xác định được tổng số trang của tài liệu xin cấp phép, liên quan đến việc thu phí thẩm định.

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

- Nội dung 8: Khuôn khổ

Cần thiết: Có ☒ Không ☐; Hợp lý: Có ☒ Không ☐; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐

(i) Lý do: Để xác định được khuôn khổ của tài liệu xin cấp phép, liên quan đến việc thu phí thẩm định.

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

- Nội dung 9: Ngữ xuất bản

Cần thiết: Có ☒ Không ☐; Hợp lý: Có ☒ Không ☐; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐

(i) Lý do: Để xác định được ngôn ngữ xuất bản của tài liệu xin cấp phép là Tiếng Việt, Tiếng Bahnar, Tiếng Jrai hay bằng một ngôn ngữ nào khác.



(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

- Nội dung 10: Tên, địa chỉ cơ sở in

Cần thiết: Có ☒ Không ☐; Hợp lý: Có ☒ Không ☐; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐

(i) Lý do: Nhằm kiểm tra thông tin cơ sở in đó có được cấp phép hoạt động in xuất bản phẩm hay không.

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

- Nội dung 11: Mục đích xuất bản

Cần thiết: Có ☒ Không ☐; Hợp lý: Có ☒ Không ☐; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐

(i) Lý do: Để xác định được mục đích xuất bản của tài liệu xin cấp phép có phù hợp với Điều 12, Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản hay không để cấp phép.

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

- Nội dung 12: Phạm vi sử dụng và hình thức phát hành

Cần thiết: Có ☒ Không ☐; Hợp lý: Có ☒ Không ☐; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐

(i) Lý do: Để xác định được vi sử dụng (trong tỉnh, hay trong nước) và hình thức phát hành (phát hành nội bộ hay rộng rãi) của tài liệu xin cấp phép.

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

- Nội dung 13: Nội dung tóm tắt của tài liệu

Cần thiết: Có ☒ Không ☐; Hợp lý: Có ☒ Không ☐; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐

(i) Lý do: Để nắm được nội dung tóm tắt của tài liệu xin cấp phép.

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

- Nội dung 14: Kèm theo đơn này gồm 02 bản thảo

Cần thiết: Có ☒ Không ☐; Hợp lý: Có ☒ Không ☐; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐

(i) Lý do: Làm cơ sở để Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định nội dung, hình thức của tập tài liệu và đóng dấu vào bên trong bản thảo (01 bản thảo trả lại) để cơ quan, tổ chức xin cấp phép đưa cho cơ sở in tài liệu làm căn cứ để in.

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là

	KHÔNG):
b) Yêu cầu xác nhận (nếu có)	Cần thiết: Có ☒ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
c) Ngôn ngữ	Cần thiết: Có ☒ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
<i>Mẫu đơn, tờ khai n:</i>	
10. Yêu cầu, điều kiện	
TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
Yêu cầu, điều kiện 1: Đối với tài liệu của các đơn vị quân đội nhân dân, công an nhân dân phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc cơ quan được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ủy quyền.	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Yêu cầu, điều kiện 2: Đối với tài liệu lịch sử Đảng, chính quyền địa phương; tài liệu phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương phải có ý kiến của tổ chức	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

11. Kết quả thực hiện	
a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định)	
a) Luật ☐	
b) Pháp lệnh ☐	
c) Nghị định ☒	Bãi bỏ Khoản 2, Điều 12 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản.
d) Quyết định của TTCP ☐	
đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch ☐	
e) Quyết định của Bộ trưởng ☐	
g) Văn bản khác ☐	



BIỂU RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. THÔNG TIN CHUNG	
1. Tên TTHC (+ Mã số hồ sơ trên CSDLQG về TTHC)	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III 1.007357
2. Lĩnh vực	Hoạt động xây dựng
3. Văn bản quy định về TTHC	- Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
4. Cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát	Sở Xây dựng
II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?	a) Đối với quản lý nhà nước: Mục tiêu a.1: Đảm bảo quản lý hoạt động xây dựng đối với công tác cấp chứng chỉ hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Gia Lai. b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức: Mục tiêu b.1: Tạo điều kiện đơn giản thành phần hồ sơ trong TTHC, cá nhân thực hiện TTHC nhanh, gọn.
2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC có sự thay đổi hoặc không được	a) Có thay đổi hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☐ Không ☒

 đáp ứng?	- Mục tiêu b.1: Có ☐ Không ☒ b) Có được đáp ứng hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☒ Không ☐ - Mục tiêu b.1: Có ☒ Không ☐ Lý do: Các văn bằng chỉ cần photo, công chức tiếp nhận hồ sơ sẽ đối chiếu bản chính, không cần chứng thực giấy tờ theo quy định.
3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi mục tiêu của TTHC thay đổi hoặc không được đáp ứng?	a) Duy trì TTHC: ☐ Lý do: b) Bãi bỏ TTHC: ☐ Lý do: c) Thay thế TTHC: ☐ Lý do: d) Sửa đổi, bổ sung TTHC: ☒ e) Áp dụng biện pháp khác (không phải TTHC): ☐ Bổ nội dung thành phần hồ sơ “<i>Bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề đã được cấp</i>”. Lý do: Chứng chỉ hành nghề do Sở Xây dựng cấp nên công dân không cần thiết nộp bản sao có chứng thực.
4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?	Có ☐ Không ☒ Nếu CÓ. - Đối với TTHC 1: (i) Nội dung thay đổi: (ii) Lý do: - Đối với TTHC n: (i) Nội dung thay đổi:



(ii) Lý do:

III. RA SƠ AT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC**1. Tên thủ tục hành chính**

Có được quy định rõ ràng, thống nhất và phù hợp không?

Có ☒ Không ☐

(i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

2. Trình tự thực hiện

a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp không?

Có ☒ Không ☐

(i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

b) Có được quy định hợp lý giữa các bước không?

Có ☒ Không ☐

(i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

3. Cách thức thực hiện

Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp với đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết TTHC không?

Có ☒ Không ☐

(i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

4. Hồ sơ

a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ; nội dung thông tin của từng thành phần hồ sơ có phục vụ cho xem xét, giải quyết thủ tục hành chính; đã loại trừ hồ sơ trùng lặp hoặc đã được lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan hay không?

Có ☒ Không ☐

(i) Lý do: Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính chứng chỉ hành nghề đã được cấp.

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

 b) Có được quy định rõ ràng và phù hợp về số lượng không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
5. Thời hạn giải quyết	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
6. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Có thể ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
7. Đối tượng thực hiện	
a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không?	Có ☐ Không ☒ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?	Có ☐ Không ☒ i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không?	- Phí: Có ☐ Không ☐ - Lệ phí: Có ☒ Không ☐ - Chi phí khác: Có ☐ Không ☒
b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về phí: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức phí: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về lệ phí: Có ☒ Không ☐ - Về mức lệ phí: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
d) Quy định về chi phí khác có hợp lý, hợp pháp không?	- Về chi phí khác: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức chi phí khác: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không?	Có ☒ Không ☐ i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
9. Mẫu đơn, tờ khai	
Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☒ Không ☐ i) Lý do:

		(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Mẫu đơn, tờ khai n:		
a) Nội dung thông tin	- Nội dung 1: Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Nội dung n: Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	
b) Yêu cầu xác nhận (nếu có)	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:	
c) Ngôn ngữ	Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:	
Mẫu đơn, tờ khai n:		
10. Yêu cầu, điều kiện		
TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:	
Yêu cầu, điều kiện 1:	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):	



Yêu cầu, điều kiện n:		Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☐ Không ☐
.....		(i) Lý do:
.....		(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
11. Kết quả thực hiện		
a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không?	Có ☒ Không ☐	(i) Lý do: Không quy định về thời hạn có hiệu lực của kết quả. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐	(i) Lý do:
		(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐	(i) Lý do:
		(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định)		
a) Luật ☐		
b) Pháp lệnh ☐		
c) Nghị định ☒	Sửa đổi thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng quy định tại Khoản 14 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ theo hướng bỏ nội dung thành phần hồ sơ " <i>Bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề đã được cấp</i> ".	
d) Quyết định của TTCP ☐		
đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch ☐		
e) Quyết định của Bộ trưởng ☐		
g) Văn bản khác ☐		

I. THÔNG TIN CHUNG	
1. Tên TTHC (+ Mã số hồ sơ trên CSDLQG về TTHC)	Thủ tục Cấp lại nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III
2. Lĩnh vực	Hoạt động xây dựng
3. Văn bản quy định về TTHC	- Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
4. Cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát	Sở Xây dựng
II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?	a) Đối với quản lý nhà nước: Mục tiêu a.1: Đảm bảo quản lý hoạt động xây dựng đối với công tác cấp chứng chỉ hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Gia Lai. b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức: Mục tiêu b.1: Tạo điều kiện đơn giản thành phần hồ sơ trong TTHC, cá nhân thực hiện TTHC nhanh, gọn.
2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC có sự thay đổi hoặc không được đáp ứng?	a) Có thay đổi hay không? - Mục tiêu a.1: Có ☐ Không ☒ - Mục tiêu b.1: Có ☐ Không ☒



b) Có được đáp ứng hay không?

- Mục tiêu a.1: Có ☒ Không ☐
 - Mục tiêu b.1: Có ☒ Không ☐

Lý do: Các văn bằng chỉ cần photo, công chức tiếp nhận hồ sơ sẽ đối chiếu bản chính, không cần chứng thực giấy tờ theo quy định.

3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi mục tiêu của TTHC thay đổi hoặc không được đáp ứng?

a) Duy trì TTHC: ☐

Lý do:

b) Bãi bỏ TTHC: ☐

Lý do:

c) Thay thế TTHC: ☐

Lý do:

d) Sửa đổi, bổ sung TTHC: ☒

e) Áp dụng biện pháp khác (không phải TTHC): ☐

Lý do:

4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?

Có ☐ Không ☒

III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC

1. Tên thủ tục hành chính

Có được quy định rõ ràng, thống nhất và phù hợp không?

Có ☒ Không ☐

2. Trình tự thực hiện

a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp không?

Có ☒ Không ☐

b) Có được quy định hợp lý giữa các bước không?

Có ☒ Không ☐

3. Cách thực hiện	
Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp với đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết TTHC không?	Có ☒ Không ☐
4. Hồ sơ	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ; nội dung thông tin của từng thành phần hồ sơ có phục vụ cho xem xét, giải quyết thủ tục hành chính; đã loại trừ hồ sơ trùng lặp hoặc đã được lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan hay không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao có chứng thực văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với từng loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp (ii) Phương án xử lý: Các văn bằng chỉ cần photo, công chức tiếp nhận hồ sơ sẽ đối chiếu bản chính, không cần chứng thực giấy tờ theo quy định.
b) Có được quy định rõ ràng và phù hợp về số lượng không?	Có ☒ Không ☐
5. Thời hạn giải quyết	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐
6. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐
b) Có thể ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒
7. Đối tượng thực hiện	
a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không?	Có ☐ Không ☒ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:

b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?	Có ☐ Không ☒
8. Phí, lệ phí	
a) T/HC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không?	- Phí: Có ☒ Không ☐ - Lệ phí: Có ☐ Không ☒ - Chi phí khác: Có ☐ Không ☒
b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về phí: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức phí: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về lệ phí: Có ☐ Không ☐ - Về mức lệ phí: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
d) Quy định về chi phí khác có hợp lý, hợp pháp không?	- Về chi phí khác: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức chi phí khác: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không?	Có ☒ Không ☐
9. Mẫu đơn, tờ khai	
Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☒ Không ☐

	
10. Yêu cầu, điều kiện	
TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?	Có ☐ Không ☒
11. Kết quả thực hiện	
a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không?	Có ☐ Không ☒ (i) Lý do: Không quy định về thời hạn có hiệu lực của kết quả. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định)	
a) Luật ☐	
b) Pháp lệnh ☐	
c) Nghị định ☐	
d) Quyết định của TTCP ☐	
đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch ☐	
e) Quyết định của Bộ trưởng ☐	
g) Văn bản khác ☐	

BIỂU RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên TTHC (+ Mã số hồ sơ trên CSDLQG về TTHC)	Đăng ký giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi cấp tỉnh 2.002217
2. Lĩnh vực	Quản lý giá
3. Văn bản quy định về TTHC	Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.
4. Cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát	Sở Tài Chính tỉnh Gia Lai

II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?	a) Đối với quản lý nhà nước: Mục tiêu a.1: Nhà nước quy định nguyên tắc, phương pháp xác định giá đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá phù hợp với nguyên tắc của nền kinh tế thị trường, bình ổn giá, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng và lợi ích của Nhà nước. Thu thập, tổng hợp, phân tích và dự báo giá thị trường trong nước và thế giới để xây dựng cơ sở dữ liệu về giá phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá. Sử dụng mức giá do tổ chức, cá nhân đăng ký vào mục đích phân tích, tổng hợp, dự báo biến động giá cả thị trường; kiểm tra các yếu tố hình thành giá, công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng phục vụ mục tiêu bình ổn giá, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo luật định khi cần thiết. Mục tiêu a.n: Theo dõi diễn biến giá cả thị trường trong nước và thế giới, sự cần thiết phải thay đổi giá, nắm rõ tình hình sản xuất, kinh doanh của hàng hoá, dịch vụ . b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức: Mục tiêu b.1: trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá đối với mặt hàng cụ thể thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trước khi định giá, điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện đăng ký giá bằng việc lập Biểu mẫu đăng ký giá gửi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Mục tiêu b.2: • Có quyền mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo giá đã đăng ký nếu sau 05 ngày làm việc kể từ ngày
---	---

BIỂU RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. THÔNG TIN CHUNG	
1. Tên TTHC (+ Mã số hồ sơ trên CSDLQG về TTHC)	Đăng ký giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi cấp tỉnh 2.002217
2. Lĩnh vực	Quản lý giá
3. Văn bản quy định về TTHC	Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.
4. Cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát	Sở Tài Chính tỉnh Gia Lai
II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?	a) Đối với quản lý nhà nước: Mục tiêu a.1: Nhà nước quy định nguyên tắc, phương pháp xác định giá đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá phù hợp với nguyên tắc của nền kinh tế thị trường, bình ổn giá, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng và lợi ích của Nhà nước. Thu thập, tổng hợp, phân tích và dự báo giá thị trường trong nước và thế giới để xây dựng cơ sở dữ liệu về giá phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá. Sử dụng mức giá do tổ chức, cá nhân đăng ký vào mục đích phân tích, tổng hợp, dự báo biến động giá cả thị trường; kiểm tra các yếu tố hình thành giá, công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng phục vụ mục tiêu bình ổn giá, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo luật định khi cần thiết. Mục tiêu a.n: Theo dõi diễn biến giá cả thị trường trong nước và thế giới, sự cần thiết phải thay đổi giá, nắm rõ tình hình sản xuất, kinh doanh của hàng hoá, dịch vụ . b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức: Mục tiêu b.1: trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá đối với mặt hàng cụ thể thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trước khi định giá, điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện đăng ký giá bằng việc lập Biểu mẫu đăng ký giá gửi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Mục tiêu b.2: • Có quyền mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo giá đã đăng ký nếu sau 05 ngày làm việc kể từ ngày



thực hiện đăng ký giá theo quy định mà không nhận được văn bản của cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu yêu cầu tổ chức, cá nhân không được thực hiện mức giá đăng ký hoặc phải giải trình về các nội dung của Biểu mẫu đăng ký giá;

- Có trách nhiệm thực hiện đăng ký giá; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá đăng ký; thực hiện giải trình (nếu có) theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Không được áp dụng mức giá đăng ký trong mua, bán hàng hóa, dịch vụ trong thời hạn ít nhất 05 ngày làm việc kể ngày thực hiện đăng ký giá theo quy định hoặc trong thời gian giải trình theo yêu cầu của cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu;
- Có trách nhiệm thực hiện công khai thông tin về mức giá đã đăng ký; công khai, niêm yết trong toàn hệ thống phân phối (nếu có); thực hiện đúng giá niêm yết; chấp hành các biện pháp bình ổn giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC có sự thay đổi hoặc không được đáp ứng?

a) Có thay đổi hay không?

- Mục tiêu a.1: Có ☐ Không ☒

Lý do:

- Mục tiêu a.n: Có ☐ Không ☒

Lý do:

- Mục tiêu b.1: Có ☒ Không ☐

Lý do: giảm chi phí tiết kiệm cho các cá nhân, tổ chức

- Mục tiêu b.n: Có ☐ Không ☒

Lý do:

b) Có được đáp ứng hay không?

- Mục tiêu a.1: Có ☒ Không ☐

Lý do:

- Mục tiêu a.n: Có ☒ Không ☐

Lý do:

- Mục tiêu b.1: Có ☒ Không ☐

Lý do:



	- Mục tiêu b.n: Có ☒ Không ☐ Lý do:
3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi mục tiêu của TTHC thay đổi hoặc không được đáp ứng?	a) Duy trì TTHC: ☐ Lý do: b) Bãi bỏ TTHC: ☐ Lý do: c) Thay thế TTHC: ☐ Lý do: d) Sửa đổi, bổ sung TTHC: ☒ Bãi bỏ nội dung thành phần hồ sơ “ <i>biểu mẫu số 1 (mẫu đăng ký giá) quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/04/2014 của Bộ Tài chính</i> ”. Lý do: Vì hiện nay, đã thực hiện đăng ký giá bằng cơ sở phần mềm dữ liệu giá tại địa phương. e) Áp dụng biện pháp khác (không phải TTHC): ☐ Lý do:
4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?	Có ☐ Không ☒ Nếu CÓ, - Đối với TTHC 1: (i) Nội dung thay đổi: (ii) Lý do: - Đối với TTHC n: (i) Nội dung thay đổi: (ii) Lý do:

III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC

1. Tên thủ tục hành chính

Có được quy định rõ ràng, thống nhất và phù hợp không?

Có ☒ Không ☐

(i) Lý do: Các thủ tục hành chính được quy định để đáp ứng các mục tiêu quản lý cụ thể

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

2. Trình tự thực hiện

a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp không?

Có ☒ Không ☐

(i) Lý do: Quy định rõ ràng các bước thực hiện, tạo quy trình chuẩn theo quy định

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

b) Có được quy định cụ thể các bước, nội dung công việc, trách nhiệm thực hiện của từng bước không?

Có ☒ Không ☐

(i) Lý do: Quy định cụ thể các bước, nội dung công việc, trách nhiệm thực hiện của từng bước theo quy định

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

3. Cách thức thực hiện

Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp với đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?

Có ☒ Không ☐

(i) Lý do: Quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp với đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính theo quy định

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

4. Hồ sơ

a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ; nội dung thông tin của từng thành phần hồ sơ có phục vụ cho xem xét, giải quyết thủ tục hành chính; đã loại trừ hồ sơ trùng lặp hoặc đã được lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ

Có ☒ Không ☐

(i) Lý do: Để thu thập đầy đủ và xác minh tính chính xác của thông tin để phục vụ cho cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết thủ tục hành chính

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

quan hay không?	
b) Có được quy định rõ ràng và phù hợp về số lượng không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
5. Thời hạn giải quyết	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: Quy định thời hạn gửi, giải quyết nhằm đảm bảo việc tuân thủ của cơ quan nhà nước, đảm bảo kịp thời, tránh chậm trễ gây ảnh hưởng tới lợi ích của cá nhân, tổ chức - Sau khi tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân, Sở Tài chính tiến hành rà soát Biểu mẫu đăng ký giá theo quy định. - Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Tài chính tỉnh Gia Lai. Hết thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên dấu công văn đến của cơ quan. Nếu không có văn bản yêu cầu giải trình việc đăng ký giá theo quy định từ phía cơ quan tiếp nhận. Tổ chức, cá nhân được mua, bán theo mức giá đăng ký. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: Quy định thời hạn gửi, giải quyết nhằm đảm bảo việc tuân thủ của cơ quan nhà nước, đảm bảo kịp thời, tránh chậm trễ gây ảnh hưởng tới lợi ích của cá nhân, tổ chức (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
6. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: Quy định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước khi tiếp nhận yêu cầu của cá nhân tổ chức (hướng dẫn bổ sung hồ sơ, cung cấp thông tin liên quan, thông báo bằng văn bản về việc cơ quan không có thẩm quyền giải quyết...)



	(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Có thể ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ (i) Lý do: Thuộc lĩnh vực giá của Sở Tài chính (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ):
7. Đối tượng thực hiện	
a) Có thể mở rộng/thu hẹp đối tượng tuân thủ không?	Có ☐ Không ☒ (i) Lý do: Quy định cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ):
b) Có thể mở rộng/thu hẹp phạm vi áp dụng không?	Có ☐ Không ☒ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ):
8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không?	- Phí: Có ☐ Không ☐ - Lệ phí: Có ☐ Không ☐ - Chi phí khác: Có ☐ Không ☐
b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về phí: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức phí: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về phí: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do:



	(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức phí: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
d) Quy định về chi phí khác có hợp lý, hợp pháp không?	- Về chi phí khác: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức chi phí khác: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không?	Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
9. Mẫu đơn, tờ khai	
Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: Quy định về mẫu đơn, tờ khai Phụ lục số 1 kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Mẫu đơn, tờ khai 1: BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ GIÁ (Văn bản của tổ chức, cá nhân đăng ký mức giá bán cụ thể)	
a) Nội dung thông tin	... (tên đơn vị đăng ký) gửi Biểu mẫu đăng ký giá gồm các văn bản và nội dung sau: 1. Bảng đăng ký mức giá bán cụ thể. 2. Giải trình lý do điều chỉnh giá (trong đó có giải thích việc tính mức giá cụ thể áp dụng theo các hướng dẫn, quy định về phương pháp tính giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành)



	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày ... / ... /..... (tên đơn vị đăng ký) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà đơn vị đã đăng ký./. Cần thiết: Có ☒ Không ☐; Hợp lý: Có ☐ Không ☐; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: Để thu thập đầy đủ và xác minh tính chính xác của thông tin để phục vụ cho cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết thủ tục hành chính (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Nội dung n: Cần thiết: Có ☐ Không ☐; Hợp lý: Có ☐ Không ☐; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Yêu cầu xác nhận (nếu có)	Cần thiết: Có ☒ Không ☐; Hợp lý: Có ☐ Không ☐; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
c) Ngôn ngữ	Cần thiết: Có ☒ Không ☐; Hợp lý: Có ☐ Không ☐; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
10. Yêu cầu, điều kiện	
TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?	Có ☒ Không ☐
Yêu cầu, điều kiện: Đăng ký giá bao gồm những nội dung chính như sau: - Khi hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục quy	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: Để thu thập đầy đủ và xác minh tính chính xác của thông tin để phục vụ cho cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết thủ tục hành chính



định tại khoản 02 Điều 15 của Luật Giá có biến động bất thường:

- Khi mặt bằng giá biến động ảnh hưởng đến ổn định kinh tế - xã hội.

- Các căn cứ định giá hoặc điều chỉnh giá:

- Biểu mẫu đăng ký giá theo hướng dẫn tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính

+ Văn bản của tổ chức, cá nhân đăng ký mức giá bán cụ thể.

+ Bản đăng ký mức giá bán cụ thể.

+ Thuyết minh cơ cấu tính giá hàng hóa, dịch vụ đăng ký (đối với mặt hàng nhập khẩu)

+ Thuyết minh cơ cấu tính giá hàng hóa, dịch vụ đăng ký (đối với mặt hàng sản xuất trong nước).

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

11. Kết quả thực hiện

a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không?

Có ☒ Không ☐

(i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?

Hợp lý: Có ☒ Không ☐; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐

(i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?

Hợp lý: Có ☒ Không ☐; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐

(i) Lý do:

(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):



12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định)		
a) Luật	☐	
b) Pháp lệnh	☐	
c) Nghị định	☐	
d) Quyết định của TTCP	☐	
đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch	☒	Bãi bỏ nội dung thành phần hồ sơ “biểu mẫu số 1 (mẫu đăng ký giá) quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/04/2014 của Bộ Tài chính”.
e) Quyết định của Bộ trưởng	☐	
g) Văn bản khác	☐	



BIỂU RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. THÔNG TIN CHUNG	
1. Tên TTHC (+ Mã số hồ sơ trên CSDLQG về TTHC)	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản 2.001832
2. Lĩnh vực	Quản lý chất lượng Nông Lâm Thủy sản
3. Văn bản quy định về TTHC	Thông tư số 18/TT-BTC ngày 7/5/2018 của Bộ tài chính về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp. Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 9/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm
4. Cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát	UBND huyện Kbang tỉnh Gia Lai
II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?	a) Đối với quản lý nhà nước: Mục tiêu a.1: Nâng cao hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước đối với lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm thủy sản trên địa bàn huyện, Mục tiêu a.2: Thực hiện nhiệm vụ do UBND huyện giao b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức: Mục tiêu b.1: Đảm bảo quyền công dân về lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản Mục tiêu b.2: Đảm bảo thực hiện thủ tục hành chính thuận lợi về mọi mặt.
2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của	a) Có thay đổi hay không?

TTHC có sự thay đổi hoặc không được đáp ứng?



- | | | | | |
|-----------------|----|--------------------------|-------|-------------------------------------|
| - Mục tiêu a.1: | Có | ☐ | Không | ☒ |
| - Mục tiêu a.2: | Có | ☐ | Không | ☒ |
| - Mục tiêu b.1: | Có | ☐ | Không | ☒ |
| - Mục tiêu b.2: | Có | ☐ | Không | ☒ |

b) Có được đáp ứng hay không?

- | | | | | |
|-----------------|----|-------------------------------------|-------|-------------------------------------|
| - Mục tiêu a.1: | Có | ☒ | Không | ☐ |
| - Mục tiêu a.2: | Có | ☒ | Không | ☐ |
| - Mục tiêu b.1: | Có | ☒ | Không | ☐ |
| - Mục tiêu b.2: | Có | ☐ | Không | ☒ |

Lý do thực hiện rà soát: Trong Đơn đăng ký xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho cá nhân là chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đã thể hiện đầy đủ thông tin cá nhân nên việc yêu cầu nộp kèm Bản sao Chứng minh nhân dân là không cần thiết.

3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi mục tiêu của TTHC thay đổi hoặc không được đáp ứng?

a) Duy trì TTHC: ☐

Lý do:

b) Bãi bỏ TTHC: ☐

Lý do:

c) Thay thế TTHC: ☐

Lý do:

d) Sửa đổi, bổ sung TTHC: ☒

Giảm bớt TTHC: Bản sao Chứng minh nhân dân của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản.

Sửa đổi quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 10 Thông tư số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BTC ngày 9/4/2014 của Liên bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp & PTNT, Bộ Tài chính hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

e) Áp dụng biện pháp khác (không phải TTHC): ☐

Lý do:

 4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?	Có ☐ Không ☒ Nếu CÓ, - Đối với TTHC 1: (i) Nội dung thay đổi: (ii) Lý do: - Đối với TTHC n: (i) Nội dung thay đổi: (ii) Lý do:
III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, thống nhất và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Có được quy định hợp lý giữa các bước không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
3. Cách thức thực hiện	
Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp với đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
4. Hồ sơ	

 a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ; nội dung thông tin của từng thành phần hồ sơ phục vụ cho xem xét, giải quyết TTHC: đã loại trừ hồ sơ trùng lặp hoặc đã được lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan hay không?	Có ☐ Không ☒ (i) Lý do: Trong Đơn đăng ký xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho cá nhân là chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đã thể hiện đầy đủ thông tin cá nhân nên việc yêu cầu nộp kèm Bản sao Chứng minh nhân dân là không cần thiết. (ii) Phương án xử lý: Sửa đổi quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 10 Thông tư số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BTC ngày 9/4/2014 của Liên bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp & PTNT, Bộ Tài chính hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm như sau: Bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao Chứng minh nhân dân của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản”.
b) Có được quy định rõ ràng và phù hợp về số lượng không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
5. Thời hạn giải quyết	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
6. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Có thể ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ (i) Lý do:

	(ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
7. Đối tượng thực hiện	
a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không?	Có ☐ Không ☒ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ):
b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?	Có ☐ Không ☒ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ):
8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không?	- Phí: Có ☐ Không ☒ - Lệ phí: Có ☒ Không ☐ - Chi phí khác: Có ☐ Không ☒
b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về phí: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức phí: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về lệ phí: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức lệ phí: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
d) Quy định về chi phí khác có hợp lý, hợp	- Về chi phí khác: Có ☒ Không ☐

	pháp không? (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức chi phí khác: Có ☒ Không ☐
đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
9. Mẫu đơn, tờ khai	
Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Mẫu đơn, tờ khai 1: Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm	
a) Nội dung thông tin	- Nội dung 1: Thông tin cá nhân người đề nghị đăng ký hộ kinh doanh Cần thiết: Có ☒ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ Lý do: - Nội dung 2: Nội dung đề nghị xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm Cần thiết: Có ☒ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: -Nội dung 3: Cần thiết: Có ☐ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do:
b) Yêu cầu xác nhận (nếu có)	Cần thiết: Có ☐ Không ☒ ; Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ: (i) Lý do:

 c) Ngôn ngữ	(ii) Phương án xử lý: Cần thiết: Có ☐ Không ☒; Hợp lý: Có ☐ Không ☒; Hợp pháp: Có ☐ Không ☒
10. Yêu cầu, điều kiện	
TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?	Có ☐ Không ☒ i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
Yêu cầu, điều kiện 1:	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Yêu cầu, điều kiện 2:	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Yêu cầu điều kiện 3:	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
11. Kết quả thực hiện	
a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không?	Có ☐ Không ☒ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có ☐ Không ☐; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có ☐ Không ☐; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):



12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định)		
a) Luật	☐	
b) Pháp lệnh	☐	
c) Nghị định	☒	
d) Quyết định của TTCP	☐	
đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch	☐	Sửa đổi quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 10 Thông tư số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BTC ngày 9/4/2014 của Liên bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp & PTNT, Bộ Tài chính hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm
e) Quyết định của Bộ trưởng	☐	
g) Văn bản khác	☐	

BIỂU RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. THÔNG TIN CHUNG																			
1. Tên TTHC (+ Mã số hồ sơ trên CSDLQG về TTHC)	Thủ tục đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước 2.001263																		
2. Lĩnh vực	Hộ tịch																		
3. Văn bản quy định về TTHC	Luật Nuôi con nuôi 2010																		
4. Cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát	UBND huyện Mang Yang																		
II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH																			
1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?	a) Đối với quản lý nhà nước: Mục tiêu a.1: Bảo đảm việc nuôi con nuôi được thực hiện trên tinh thần nhân đạo, vì lợi ích tốt nhất của trẻ em; Bảo vệ trẻ em trước những hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết việc cho, nhận trẻ em làm con nuôi, chống buôn bán trẻ em, kinh doanh bất hợp pháp dịch vụ nuôi con nuôi vì mục đích trục lợi. b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức: Mục tiêu b.1: Bảo đảm cho trẻ em được lớn lên trong môi trường gia đình, trong bầu không khí hạnh phúc, yêu thương và cảm thông. Mục tiêu b.2: Tạo điều kiện cho các cặp vợ chồng hiếm muộn được nhận con nuôi.																		
2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC có sự thay đổi hoặc không được đáp ứng?	a) Có thay đổi hay không? <table border="0"> <tr> <td>- Mục tiêu a.1:</td> <td>Có ☐</td> <td>Không ☒</td> </tr> <tr> <td>- Mục tiêu b.1:</td> <td>Có ☐</td> <td>Không ☒</td> </tr> <tr> <td>- Mục tiêu b.2:</td> <td>Có ☐</td> <td>Không ☒</td> </tr> </table> b) Có được đáp ứng hay không? <table border="0"> <tr> <td>- Mục tiêu a.1:</td> <td>Có ☒</td> <td>Không ☐</td> </tr> <tr> <td>- Mục tiêu b.1:</td> <td>Có ☒</td> <td>Không ☐</td> </tr> <tr> <td>- Mục tiêu b.2:</td> <td>Có ☒</td> <td>Không ☐</td> </tr> </table>	- Mục tiêu a.1:	Có ☐	Không ☒	- Mục tiêu b.1:	Có ☐	Không ☒	- Mục tiêu b.2:	Có ☐	Không ☒	- Mục tiêu a.1:	Có ☒	Không ☐	- Mục tiêu b.1:	Có ☒	Không ☐	- Mục tiêu b.2:	Có ☒	Không ☐
- Mục tiêu a.1:	Có ☐	Không ☒																	
- Mục tiêu b.1:	Có ☐	Không ☒																	
- Mục tiêu b.2:	Có ☐	Không ☒																	
- Mục tiêu a.1:	Có ☒	Không ☐																	
- Mục tiêu b.1:	Có ☒	Không ☐																	
- Mục tiêu b.2:	Có ☒	Không ☐																	
3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi mục tiêu của TTHC thay đổi hoặc không được đáp ứng?	a) Duy trì TTHC: ☐ Lý do: b) Bãi bỏ TTHC: ☐ Lý do:																		



	c) Thay thế TTHC: ☐ Lý do: d) Sửa đổi, bổ sung TTHC: ☒ Bỏ thành phần hồ sơ “<i>Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân</i>” của người nhận con nuôi. Lý do: tại “<i>Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp</i>” đã thể hiện được tình trạng hôn nhân của người nhận con nuôi. e) Áp dụng biện pháp khác (không phải TTHC): ☐ Lý do:
4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?	Có ☐ Không ☐ Nếu CÓ, - Đối với TTHC 1: (i) Nội dung thay đổi: (ii) Lý do: - Đối với TTHC n: (i) Nội dung thay đổi: (ii) Lý do:
III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, thống nhất và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

 b) Có được quy định cụ thể các bước, nội dung công việc, trách nhiệm thực hiện của từng bước không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
3. Cách thực hiện	
Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp với đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
4. Hồ sơ	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ; nội dung thông tin của từng thành phần hồ sơ có phục vụ cho xem xét, giải quyết thủ tục hành chính; đã loại trừ hồ sơ trùng lặp hoặc đã được lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan hay không?	Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: Việc quy định thành phần hồ sơ của người nhận con nuôi phải nộp “Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân” là không cần thiết, vì trong Đơn xin xác nhận hoàn cảnh gia đình (do UBND cấp xã chứng thực) đã thể hiện được tình trạng hôn nhân của người nhận con nuôi. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): Bỏ thành phần hồ sơ “Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân”
b) Có được quy định rõ ràng và phù hợp về số lượng không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
5. Thời hạn giải quyết	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

 Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
6. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Có thể ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ):
7. Đối tượng thực hiện	
a) Có thể mở rộng/thu hẹp đối tượng tuân thủ không?	Có ☐ Không ☒ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ):
b) Có thể mở rộng/thu hẹp phạm vi áp dụng không?	Có ☐ Không ☒ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ):
8. Phí, lệ phí	
a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không?	- Phí: Có ☐ Không ☒ - Lệ phí: Có ☒ Không ☐ - Chi phí khác: Có ☐ Không ☒
b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về phí: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức phí: Có ☐ Không ☐



	(i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không?	- Về lệ phí: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức lệ phí: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
d) Quy định về chi phí khác có hợp lý, hợp pháp không?	- Về chi phí khác: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Về mức chi phí khác: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
9. Mẫu đơn, tờ khai	
Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Mẫu đơn, tờ khai: Tờ khai hoàn cảnh gia đình của người nhận con nuôi	
a) Nội dung thông tin	- Nội dung 1: Thông tin của người nhận nuôi con nuôi Cần thiết: Có ☒ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Yêu cầu xác nhận (nếu có)	Cần thiết: Có ☒ Không ☐ ; Hợp lý: Có ☒ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:

 c) Ngôn ngữ	Cần thiết: Có ☐ Không ☐; Hợp lý: Có ☒ Không ☐; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
Mẫu đơn, tờ khai: Đơn xin nhận nuôi con nuôi	
a) Nội dung thông tin	- Nội dung 1: Thông tin của người nhận nuôi con nuôi Cần thiết: Có ☒ Không ☐; Hợp lý: Có ☒ Không ☐; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Nội dung 2: Thông tin của người được nhận nuôi Cần thiết: Có ☒ Không ☐; Hợp lý: Có ☒ Không ☐; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Nội dung 3: Cơ sở nuôi dưỡng Cần thiết: Có ☒ Không ☐; Hợp lý: Có ☒ Không ☐; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Nội dung 4: Lý do nhận nuôi Cần thiết: Có ☒ Không ☐; Hợp lý: Có ☒ Không ☐; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): - Nội dung 5: Cam kết và đề nghị. Cần thiết: Có ☒ Không ☐; Hợp lý: Có ☒ Không ☐; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Yêu cầu xác nhận (nếu có)	Cần thiết: Có ☒ Không ☐; Hợp lý: Có ☒ Không ☐; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:

 c) Ngôn ngữ	Cần thiết: Có ☒ Không ☐; Hợp lý: Có ☒ Không ☐; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
Mẫu đơn, tờ khai: Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân	
a) Nội dung thông tin	- Nội dung 1: Thông tin của người nhận nuôi con nuôi Cần thiết: Có ☐ Không ☐; Hợp lý: Có ☐ Không ☒; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: Trong Tờ khai hoàn cảnh gia đình của người nhận con nuôi đã có thông tin của người nhận nuôi con nuôi (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): Bỏ nội dung này - Nội dung 2: Nội dung tình trạng hôn nhân đề nghị xác nhận Cần thiết: Có ☐ Không ☒; Hợp lý: Có ☐ Không ☒; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: Trong Tờ khai hoàn cảnh gia đình của người nhận con nuôi đã có tình trạng hôn nhân của người nhận nuôi con nuôi. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): Bỏ nội dung này - Nội dung 2: Mục đích đề nghị cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân Cần thiết: Có ☐ Không ☒; Hợp lý: Có ☐ Không ☒; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: Trong Tờ khai hoàn cảnh gia đình của người nhận con nuôi có đề nghị cung cấp tình trạng hôn nhân của người nhận nuôi con nuôi, vì vậy việc cung cấp tình trạng hôn nhân là nhằm mục đích nhận nuôi con nuôi, không cần thể hiện tại một văn bản khác. (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): Bỏ nội dung này
b) Yêu cầu xác nhận (nếu có)	Cần thiết: Có ☐ Không ☒; Hợp lý: Có ☐ Không ☒; Hợp pháp: Có ☒ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ: (i) Lý do: Đã kiến nghị bỏ mẫu đơn. (ii) Phương án xử lý: Bỏ nội dung này.
c) Ngôn ngữ	Cần thiết: Có ☐ Không ☐; Hợp lý: Có ☐ Không ☐; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ Nếu KHÔNG, nêu rõ: (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
10. Yêu cầu, điều kiện	

 TT/HC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?	Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý:
Yêu cầu, điều kiện 1: Người nhận con nuôi phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Yêu cầu, điều kiện 2: Người nhận con nuôi phải hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên - không áp dụng đối với trường hợp cha đẻ/người nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Yêu cầu, điều kiện 3: Người nhận con nuôi phải có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi - không áp dụng đối với trường hợp cha đẻ/người nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Yêu cầu, điều kiện 4: Người nhận con nuôi phải có tư cách đạo đức tốt	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Yêu cầu, điều kiện 5: Người nhận nuôi con nuôi không được đang trong thời gian bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Yêu cầu, điều kiện 6: Người nhận con nuôi không được đang trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục,	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

 Yêu cầu, điều kiện 7: Người nhận con nuôi không đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Yêu cầu, điều kiện 8: Không được nhận nuôi con nuôi khi chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thanh niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Yêu cầu, điều kiện 9: Người nhận con nuôi không đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Yêu cầu, điều kiện 10: Người được nhận làm con nuôi phải Là trẻ em dưới 16 tuổi; nếu trẻ em thuộc trường hợp được cha dượng, mẹ kế, cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi thì đến dưới 18 tuổi	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Yêu cầu, điều kiện 11: Người được nhận làm con nuôi là trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
Yêu cầu, điều kiện 11: Người được nhận làm con nuôi chỉ được làm con của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.	Có hợp lý, hợp pháp không? Có ☒ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):

11. Kết quả thực hiện	
a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không?	Có ☐ Không ☒ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không?	Hợp lý: Có ☐ Không ☐ ; Hợp pháp: Có ☐ Không ☐ (i) Lý do: (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG):
12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định)	
a) Luật ☒	Bãi bỏ Khoản 4 Điều 17 Luật Nuôi con nuôi năm 2010
b) Pháp lệnh ☐	
c) Nghị định ☐	
d) Quyết định của TTCP ☐	
đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch ☐	
e) Quyết định của Bộ trưởng ☐	
g) Văn bản khác ☐	



Biểu số 01a

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ****I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI**

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1.	Đơn đề nghị theo mẫu	In đơn	1.0	23,201			1	134	23,201	3,108,934	
1.2	Bản sao Giấy đăng ký xe hoặc Giấy đăng ký tạm thời đối với phương tiện mới nhận	Phô tô	0.5	23,201		2,000	1	134	13,601	1,822,467	
1.3	Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; bản sao tính năng kỹ thuật của xe đối với phương tiện mới nhận (do nhà sản xuất gửi kèm theo xe)	Phô tô	0.5	23,201		2,000	1	134	13,601	1,822,467	
1.4	Phương án vận chuyển đối với trường hợp phải khảo sát đường bộ (nếu có).	Xây dựng phương án	4.0	23,201			1	134	92,804	12,435,736	
2	Nộp hồ sơ	- Nộp hồ sơ trực tiếp	8.0	23,201			1	134	185,608	24,871,472	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác	Không									
4	Nhận kết quả	Chi phí đi lại để nhận kết quả	4.0	23,201			1	134	92,804	12,435,736	
	TỔNG				0	4,000			421,618	56,496,812	



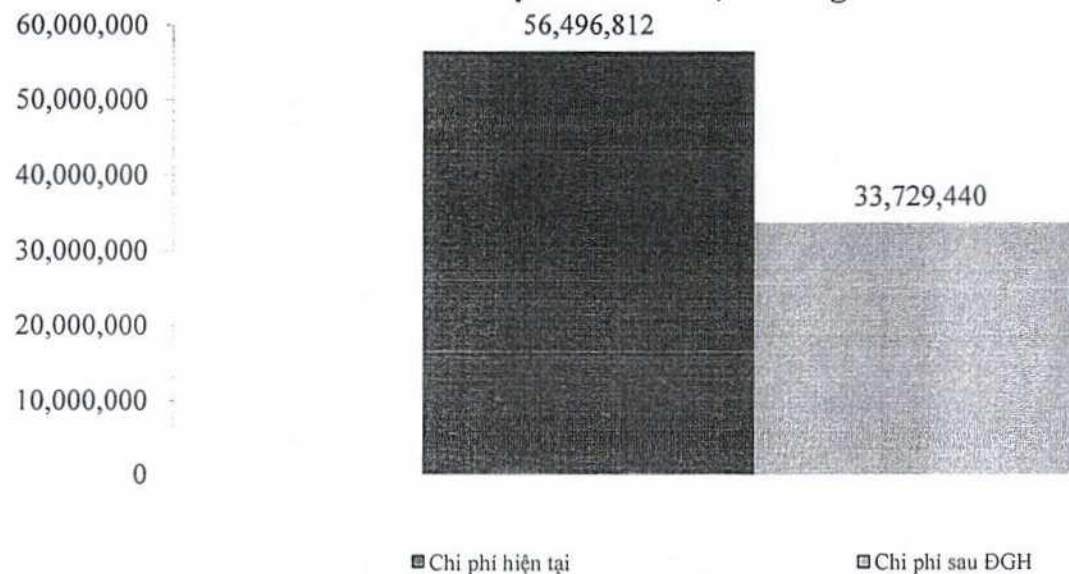
II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢNH HÓA

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1.	Đơn đề nghị theo mẫu	soạn, in đơn	1.0	23,201			1	80	23,201	1,856,080	
1.2	Bản sao Giấy đăng ký xe hoặc Giấy đăng ký tạm thời đối với phương tiện mới nhận	Phô tô	0.5	23,201		2,000	1	80	13,601	1,088,040	
1.3	Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; bản sao tính năng kỹ thuật của xe đối với phương tiện mới nhận (do nhà sản xuất gửi kèm theo xe)	Phô tô	0.5	23,201		2,000	1	80	13,601	1,088,040	
1.4	Phương án vận chuyển đối với trường hợp phải khảo sát đường bộ (nếu có),	Xây dựng phương án	4.0	23,201			1	80	92,804	7,424,320	
2	Nộp hồ sơ	- Nộp hồ sơ trực tiếp	8.0	23,201			1	80	185,608	14,848,640	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác	Không									
4	Nhận kết quả	Chi phí đi lại để nhận kết quả	4.0	23,201			1	80	92,804	7,424,320	
	TỔNG				0	4,000			421,618	33,729,440	

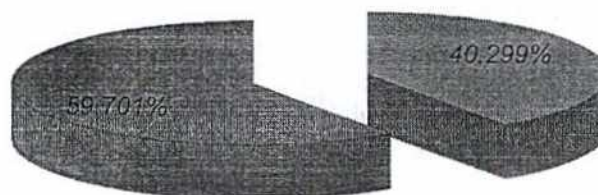


III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại hoặc dự kiến ban hành mới và sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung





CHI PHÍ TUÂN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế

CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1.	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề y	Điền vào mẫu đơn	1.0	23,201			1	407	23,201	9,442,807	
1.2.	Bản sao văn bằng chuyên môn	Photo bằng tốt nghiệp	1.0	23,201			1	407	23,201	9,442,807	
		Chi phí đi lại để được cấp giấy tờ	2.0	23,201			1	407	46,402	18,885,614	
		Phí chứng thực bản sao	1.0	23,201		2,000	1	407	25,201	10,256,807	
1.3.	Bản chính giấy xác nhận thực hành chuyên môn	Photo các loại giấy tờ	1.0	23,201			1	407	23,201	9,442,807	
		Chi phí đi lại làm giấy tờ	8.0	23,201			1	407	185,608	75,542,456	
1.4.	Lý lịch tự thuật	Photo mẫu lý lịch	1.0	23,201			1	407	23,201	9,442,807	
		Phí chứng thực	1.0	23,201		10,000	1	407	33,201	13,512,807	
		Chi phí đi lại làm giấy tờ	1.0	23,201			1	407	23,201	9,442,807	
1.5.	02 Ảnh 4*6	Chụp ảnh thẻ	1.0	23,201		25,000	1	407	48,201	19,617,807	
		Đi lại chụp ảnh thẻ	1.0	23,201			1	407	23,201	9,442,807	
1.6.	Phiếu lý lịch tư pháp	Photo các loại giấy tờ	1.0	23,201			1	407	23,201	9,442,807	
		Phí làm lý lịch tư pháp	1.0	23,201		200,000	1	407	223,201	90,842,807	
		Chi phí đi lại làm giấy tờ	7.0	23,201			1	407	162,407	66,099,649	
2	Nộp hồ sơ	- Nộp hồ sơ trực tiếp	8.0	23,201			1	407	185,608	75,542,456	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác	Nộp lệ phí				360,000	1	407	360,000	146,520,000	
4	Nhận kết quả	Chi phí đi lại để nhận kết quả	4.0	23,201			1	407	92,804	37,771,228	
TỔNG					0	597,000			1,525,040	620,691,280	



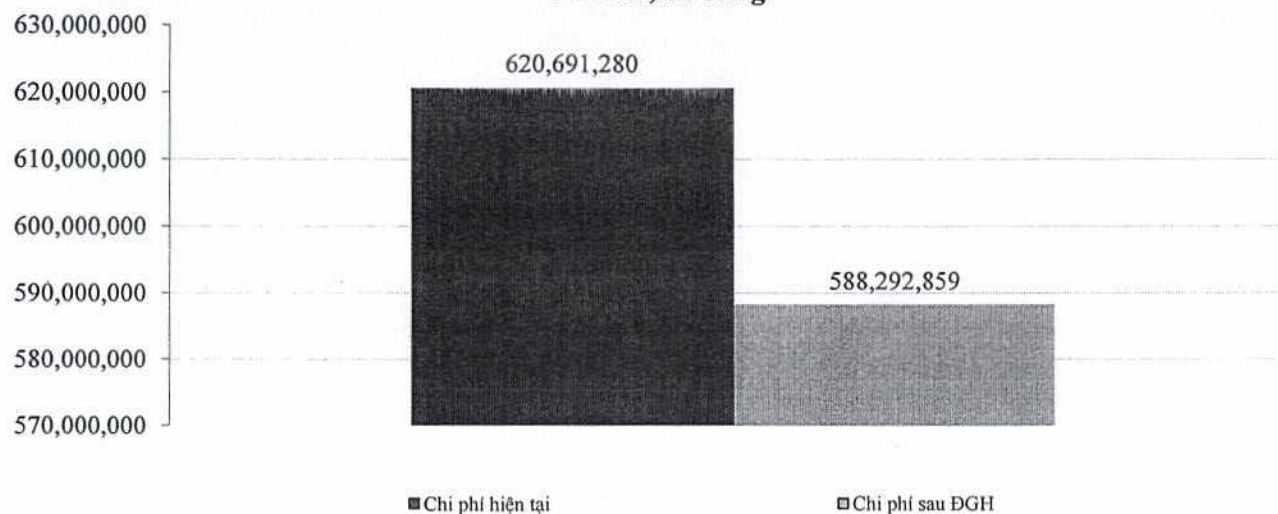
II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢN HÓA

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1.	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề Y	Điền vào mẫu đơn	1.0	23,201			1	407	23,201	9,442,807	
1.2.	Bản sao văn bằng chuyên môn	Photo bằng tốt nghiệp	1.0	23,201			1	407	23,201	9,442,807	
		Chi phí đi lại để được cấp giấy tờ	2.0	23,201			1	407	46,402	18,885,614	
		Phí chứng thực bản sao	1.0	23,201		2,000	1	407	25,201	10,256,807	
1.3.	Bản chính giấy xác nhận thực hành chuyên môn	Photo các loại giấy tờ	1.0	23,201			1	407	23,201	9,442,807	
		Chi phí đi lại làm giấy tờ	8.0	23,201			1	407	185,608	75,542,456	
1.4.	02 Ảnh 4*6	Chụp ảnh thẻ	1.0	23,201		25,000	1	407	48,201	19,617,807	
		Đi lại chụp ảnh thẻ	1.0	23,201			1	407	23,201	9,442,807	
1.5.	Phiếu lý lịch tư pháp	Photo các loại giấy tờ	1.0	23,201			1	407	23,201	9,442,807	
		Phí làm lý lịch tư pháp	1.0	23,201		200,000	1	407	223,201	90,842,807	
		Chi phí đi lại làm giấy tờ	7.0	23,201			1	407	162,407	66,099,649	
2	Nộp hồ sơ	- Nộp hồ sơ trực tiếp	8.0	23,201			1	407	185,608	75,542,456	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác	Nộp lệ phí		23,201		360,000	1	407	360,000	146,520,000	
4	Nhận kết quả	Chi phí đi lại để nhận kết quả	4.0	23,201			1	407	92,804	37,771,228	
	TỔNG				0	587,000			1,445,437	588,292,859	

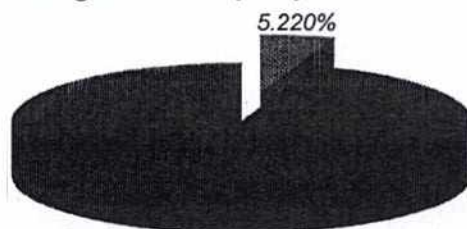


III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại hoặc dự kiến ban hành mới và sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung





Biểu số 03a

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-Quang chẩn đoán trong y tế)****I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI**

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1.	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề y	Điền vào mẫu đơn	1.0	23,201			1	407	23,201	9,442,807	
1.2.	Bản sao văn bằng chuyên môn	Photo bằng tốt nghiệp	1.0	23,201			1	407	23,201	9,442,807	
		Chi phí đi lại để được cấp giấy tờ	2.0	23,201			1	407	46,402	18,885,614	
		Phí chứng thực bản sao	1.0	23,201		2,000	1	407	25,201	10,256,807	
1.3.	Bản chính giấy xác nhận thực hành chuyên môn	Photo các loại giấy tờ	1.0	23,201			1	407	23,201	9,442,807	
		Chi phí đi lại làm giấy tờ	8.0	23,201			1	407	185,608	75,542,456	
1.4.	Lý lịch tự thuật	Photo mẫu lý lịch	1.0	23,201			1	407	23,201	9,442,807	
		Phí chứng thực	1.0	23,201		10,000	1	407	33,201	13,512,807	
		Chi phí đi lại làm giấy tờ	1.0	23,201			1	407	23,201	9,442,807	
1.5.	02 Ảnh 4*6	Chụp ảnh thẻ	1.0	23,201		25,000	1	407	48,201	19,617,807	
		Đi lại chụp ảnh thẻ	1.0	23,201			1	407	23,201	9,442,807	
1.6.	Phiếu lý lịch tư pháp	Photo các loại giấy tờ	1.0	23,201			1	407	23,201	9,442,807	
		Phí làm lý lịch tư pháp	1.0	23,201		200,000	1	407	223,201	90,842,807	
		Chi phí đi lại làm giấy tờ	7.0	23,201			1	407	162,407	66,099,649	
2	Nộp hồ sơ	- Nộp hồ sơ trực tiếp	8.0	23,201			1	407	185,608	75,542,456	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác	Nộp lệ phí				360,000	1	407	360,000	146,520,000	
4	Nhận kết quả	Chi phí đi lại để nhận kết quả	4.0	23,201			1	407	92,804	37,771,228	
	TỔNG				0	597,000			1,525,040	620,691,280	



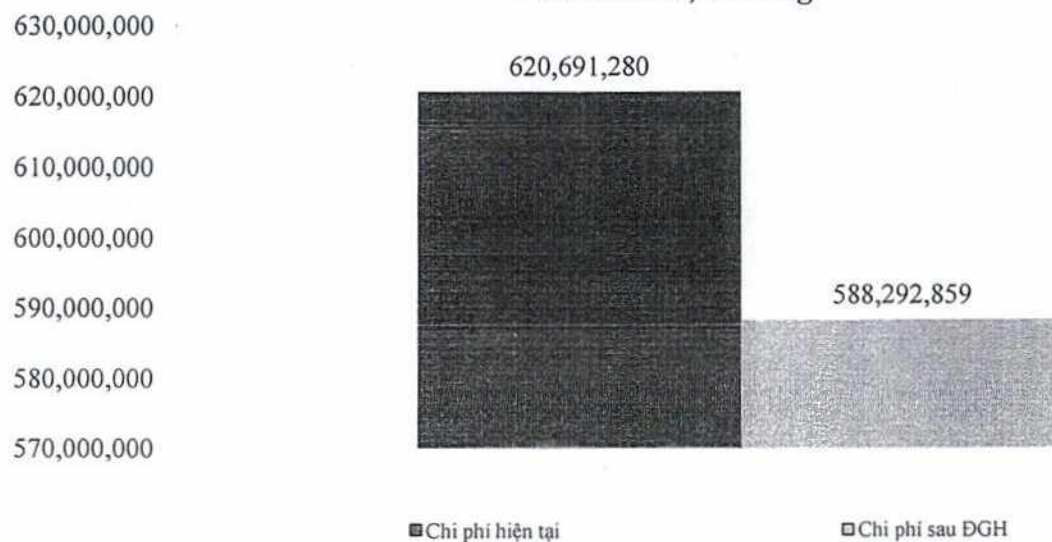
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢN HÓA

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1.	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề Y	Điền vào mẫu đơn	1.0	23,201			1	407	23,201	9,442,807	
1.2.	Bản sao văn bằng chuyên môn	Photo bằng tốt nghiệp	1.0	23,201			1	407	23,201	9,442,807	
		Chi phí đi lại để được cấp giấy tờ	2.0	23,201			1	407	46,402	18,885,614	
		Phí chứng thực bản sao	1.0	23,201		2,000	1	407	25,201	10,256,807	
1.3.	Bản chính giấy xác nhận thực hành chuyên môn	Photo các loại giấy tờ	1.0	23,201			1	407	23,201	9,442,807	
		Chi phí đi lại làm giấy tờ	8.0	23,201			1	407	185,608	75,542,456	
1.4.	02 Ảnh 4*6	Chụp ảnh thẻ	1.0	23,201		25,000	1	407	48,201	19,617,807	
		Đưa lại chụp ảnh thẻ	1.0	23,201			1	407	23,201	9,442,807	
1.5.	Phiếu lý lịch tư pháp	Photo các loại giấy tờ	1.0	23,201			1	407	23,201	9,442,807	
		Phí làm lý lịch tư pháp	1.0	23,201		200,000	1	407	223,201	90,842,807	
		Chi phí đi lại làm giấy tờ	7.0	23,201			1	407	162,407	66,099,649	
2	Nộp hồ sơ	- Nộp hồ sơ trực tiếp	8.0	23,201			1	407	185,608	75,542,456	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác	Nộp lệ phí		23,201		360,000	1	407	360,000	146,520,000	
4	Nhận kết quả	Chi phí đi lại để nhận kết quả	4.0	23,201			1	407	92,804	37,771,228	
	TỔNG				0	587,000			1,445,437	588,292,859	

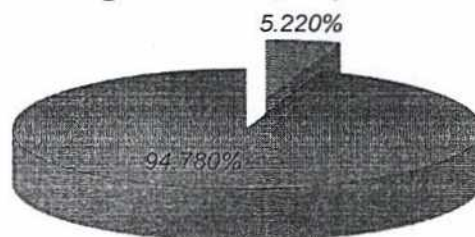


III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại hoặc dự kiến ban hành mới và sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



**CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Tên TTHC: Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án

I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án	Viết đơn	1.0	23,201			1	19	23,201	440,819	
1.2	07 bản Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án	Tổng hợp viết báo cáo	80.0	23,201			1	19	1,856,080	35,265,520	
1.3	01 bản sao quyết định phê duyệt kèm theo bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;	Pho to	3.0	23,201	120,000		1	19	189,603	3,602,457	
1.4	01 văn bản của Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án	Pho to	1.0	23,201			1	19	23,201	440,819	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1.0	23,201			1	19	23,201	440,819	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác	Không									
4	Nhận kết quả	Trực tiếp	1.0	23,201			1	19	23,201	440,819	
	TỔNG				120,000	0			2,138,487	40,631,253	



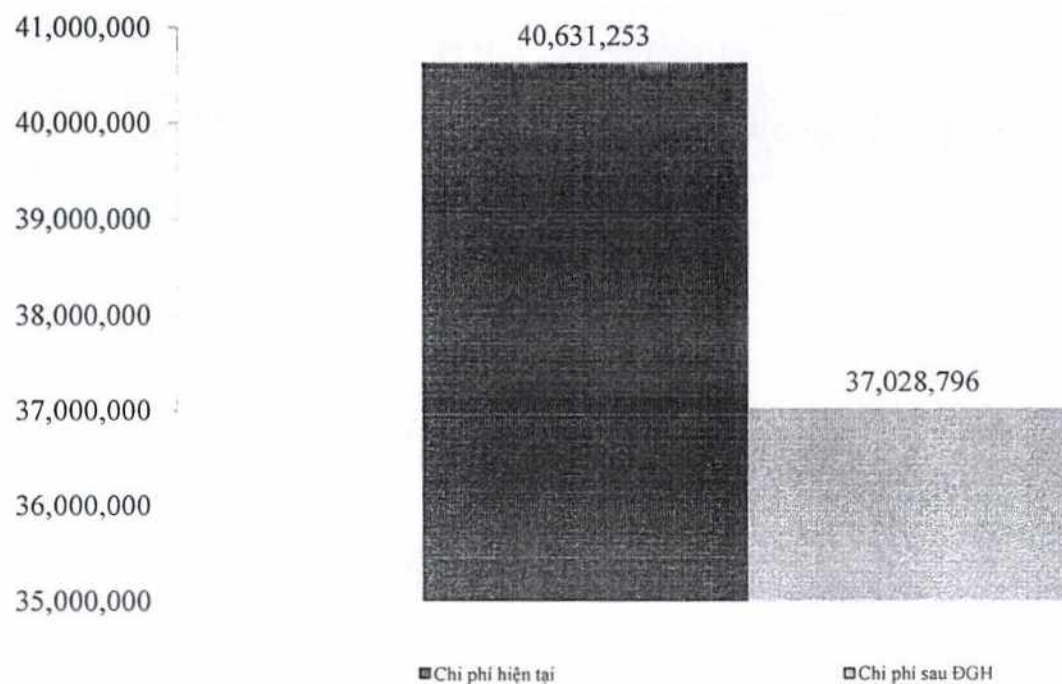
II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢN HÓA

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án	Viết đơn	1.0	23,201			1	19	23,201	440,819	
1.2	Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án	Tổng hợp viết báo cáo	80.0	23,201			1	19	1,856,080	35,265,520	
1.3	01 văn bản của Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án	photo	1.0	23,201			1	19	23,201	440,819	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1.0	23,201			1	19	23,201	440,819	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác	Không									
4	Nhận kết quả	Trực tiếp	1.0	23,201			1	19	23,201	440,819	
	TỔNG				0	0			1,948,884	37,028,796	

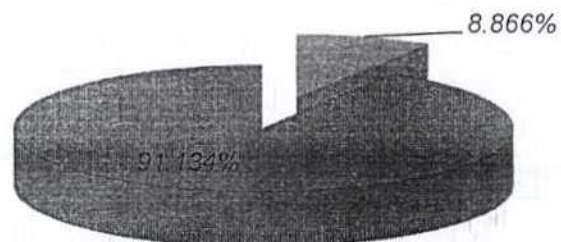


III

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại hoặc dự kiến ban hành mới và sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung





Biểu số 05a

CHI PHÍ TUÂN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo
trên bảng quảng cáo, băng rôn

I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1.	Văn bản thông báo sản phẩm quảng cáo ghi rõ nội dung, thời gian, địa điểm quảng cáo, số lượng bảng quảng cáo, băng-rôn	Làm văn bản	2.0	23,201			1	310	46,402	14,384,620	
1.2	Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người kinh doanh dịch vụ quảng cáo hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người quảng cáo trong trường hợp tự thực hiện quảng cáo;	Photo	0.5	23,201		2,000	1	310	13,601	4,216,155	
1.3	Bản sao giấy tờ chứng minh sự hợp chuẩn, hợp quy của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ theo quy định của pháp luật hoặc giấy tờ chứng minh đủ điều kiện để quảng cáo theo quy định tại Điều 20 của Luật quảng cáo;	Photo	0.5	23,201		2,000	1	310	13,601	4,216,155	



1.4	Bản sao văn bản về việc tổ chức sự kiện của đơn vị tổ chức trong trường hợp quảng cáo cho sự kiện, chính sách xã hội;	Photo	0.5	23,201			1	310	11,601	3,596,155	
1.5	Mà-két sản phẩm quảng cáo in mẫu có chữ ký của người kinh doanh dịch vụ quảng cáo hoặc chữ ký của người quảng cáo trong trường hợp tự thực hiện quảng cáo. Trong trường hợp người kinh doanh dịch vụ quảng cáo, người quảng cáo là tổ chức thì phải có dấu của tổ chức;	Thiết kế market	1.0	23,201		500,000	1	310	523,201	162,192,310	
1.6	Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng bảng quảng cáo; quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng địa điểm quảng cáo đối với bảng-rôn;	Soạn thảo văn bản	1.0	23,201			1	310	23,201	7,192,310	
1.7	Bản phối cảnh vị trí đặt bảng quảng cáo;	Thiết kế, in phối cảnh	1.0	23,201		50,000	1	310	73,201	22,692,310	
1.8	Bản sao giấy phép xây dựng công trình quảng cáo đối với loại bảng quảng cáo phải có giấy phép xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 31 của Luật quảng cáo.	Photo	1	23,201		2000	1	310	25,201	7,812,310	
2	Nộp hồ sơ	- Nộp hồ sơ trực tiếp	8.0	23,201			1	310	185,608	57,538,480	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác	Không									
4	Nhận kết quả	Chi phí đi lại để nhận kết quả	4.0	23,201			1	310	92,804	28,769,240	
	TỔNG				0	556,000			1,008,420	312,610,045	



II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢN HÓA

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1.	Văn bản thông báo sản phẩm quảng cáo ghi rõ nội dung, thời gian, địa điểm quảng cáo, số lượng bảng quảng cáo, băng-rôn	Làm văn bản	2.0	23,201			1	310	46,402	14,384,620	
1.3	Bản sao giấy tờ chứng minh sự hợp chuẩn, hợp quy của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ theo quy định của pháp luật hoặc giấy tờ chứng minh đủ điều kiện để quảng cáo theo quy định tại Điều 20 của Luật quảng cáo;	Photo	0.5	23,201		2,000	1	310	13,601	4,216,155	
1.4	Bản sao văn bản về việc tổ chức sự kiện của đơn vị tổ chức trong trường hợp quảng cáo cho sự kiện, chính sách xã hội;	Photo	0.5	23,201			1	310	11,601	3,596,155	

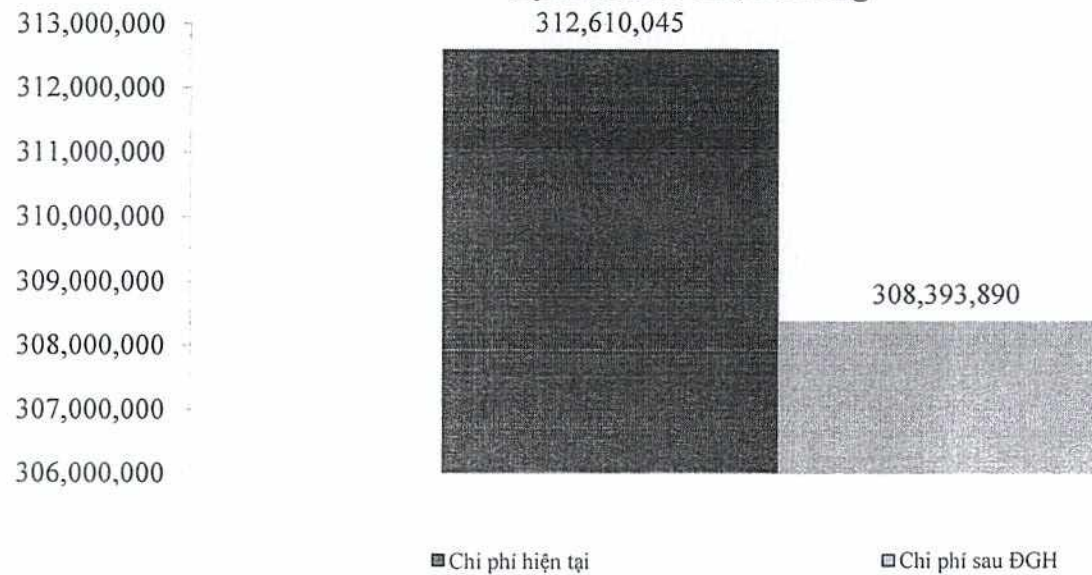


	Ma-két sản phẩm quảng cáo in mẫu có chữ ký của người kinh doanh dịch vụ quảng cáo hoặc chữ ký của người quảng cáo trong trường hợp tự thực hiện quảng cáo. Trong trường hợp người kinh doanh dịch vụ quảng cáo, người quảng cáo là tổ chức thì phải có dấu của tổ chức;	Thiết kế market	1.0	23,201		500,000	1	310	523,201	162,192,310	
1.6	Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng bảng quảng cáo; quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng địa điểm quảng cáo đối với bảng-rôn;	Soạn thảo văn bản	1.0	23,201			1	310	23,201	7,192,310	
1.7	Bản phối cảnh vị trí đặt bảng quảng cáo;	Thiết kế, in phối cảnh	1.0	23,201		50,000	1	310	73,201	22,692,310	
1.8	Bản sao giấy phép xây dựng công trình quảng cáo đối với loại bảng quảng cáo phải có giấy phép xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 31 của Luật quảng cáo.	Photo	1	23,201		2000	1	310	25,201	7,812,310	
2	Nộp hồ sơ	- Nộp hồ sơ trực tiếp	8.0	23,201			1	310	185,608	57,538,480	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác	Không									
4	Nhận kết quả	Chi phí đi lại để nhận kết quả	4.0	23,201			1	310	92,804	28,769,240	
	TỔNG				0	554,000			994,819	308,393,890	

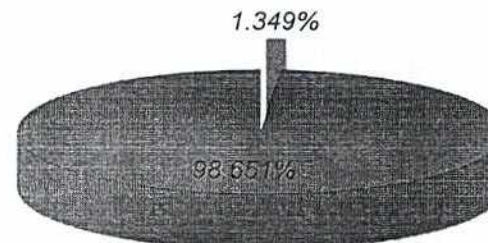


III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại hoặc dự kiến ban hành mới và sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung





Biểu số 06 a

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**Tên TTHC: Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh****CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI**

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đơn đề nghị Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	Soạn thảo đơn đề nghị và in văn bản)	1.0	23,201			1	10	23,201	232,010	
1.2	Hai (02) bản thảo tài liệu in trên giấy có đóng dấu của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản tại trang đầu và giáp lai giữa các trang bản thảo hoặc 01 bản thảo lưu trong thiết bị lưu trữ điện tử với định dạng không cho phép can thiệp, sửa đổi; Trường hợp tài liệu không kinh doanh xuất bản dạng điện tử thì nộp một (01) bản thảo điện tử có chữ ký số của thủ trưởng cơ quan, tổ chức đề nghị cấp phép xuất bản;	Soạn thảo bản thảo tài liệu đề nghị cấp phép	54.0	23,201			1	10	1,252.854	12,528,540	



1.3	Y kiến xác nhận bằng văn bản: + Đối với tài liệu của các đơn vị quân đội nhân dân, công an nhân dân phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc cơ quan được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ủy quyền. + Đối với tài liệu lịch sử Đảng, chính quyền địa phương; tài liệu phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương phải có ý kiến của tổ chức đảng, cơ quan cấp trên.	Soạn thảo văn bản	1.0	23,201			1	10	23,201	232,010	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1.0	23,201			1	10	23,201	232,010	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác	Đi lại để nhận kết quả	2.0	23,201		48,000	1	10	94,402	944,020	
4	Nhận kết quả	Trực tiếp	1.0	23,201			1	10	23,201	232,010	
TỔNG					0	0			1,440,060	14,400,600	

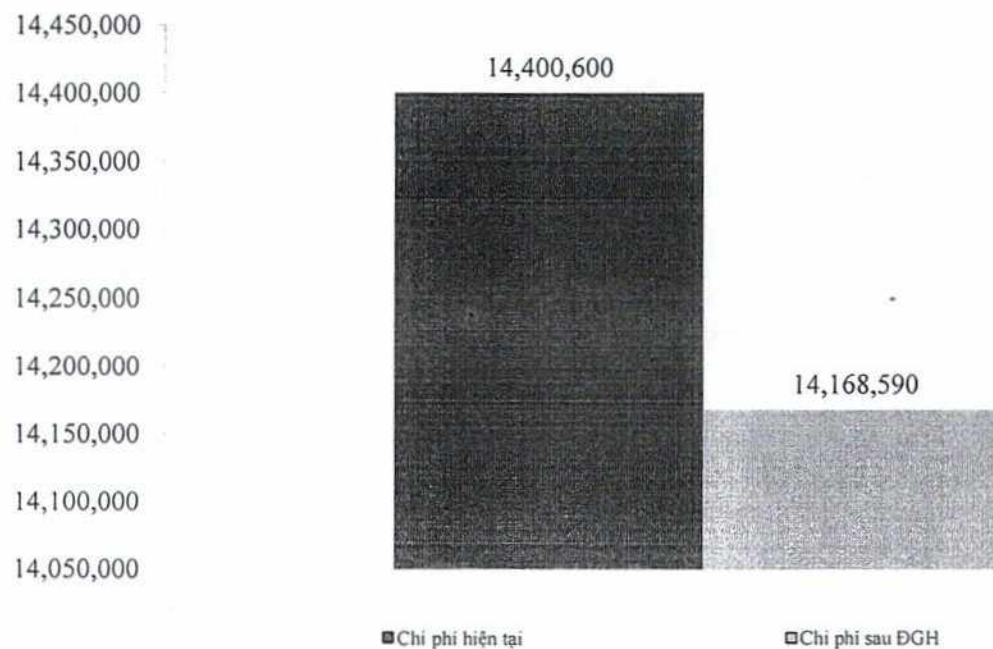


CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢN HÓA

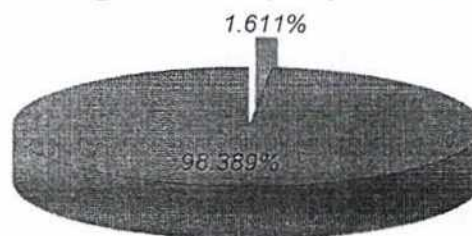
	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đơn đề nghị Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	Soạn thảo đơn đề nghị và in văn bản)	1.0	23,201			1	10	23,201	232,010	
1.2	Hai (02) bản thảo tài liệu in trên giấy có đóng dấu của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản tại trang đầu và giáp lai giữa các trang bản thảo hoặc 01 bản thảo lưu trong thiết bị lưu trữ điện tử với định dạng không cho phép can thiệp, sửa đổi; Trường hợp tài liệu không kinh doanh xuất bản dạng điện tử thì nộp một (01) bản thảo điện tử có chữ ký số của thủ trưởng cơ quan, tổ chức đề nghị cấp phép xuất bản;	Soạn thảo bản thảo tài liệu đề nghị cấp phép	54.0	23,201			1	10	1,252,854	12,528,540	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1.0	23,201			1	10	23,201	232,010	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác	Đi lại để nhận kết quả	2.0	23,201		48.000	1	10	94,402	944,020	
4	Nhận kết quả	Trực tiếp	1.0	23,201			1	10	23,201	232,010	
TỔNG					0	48,000			1,416,859	14,168,590	



Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại hoặc dự kiến ban hành mới và sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



CHI PHÍ TUÂN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: THỦ TỤC CẤP LẠI NỘI DUNG CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG HẠNG II, HẠNG III

A. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ		8			71,400			257,008	12,850,400	
1.1	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.	In ấn	2.0	23,201		1,400	1	50	47,802	2,390,100	
1.2	02 ảnh màu cỡ 4 x 6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.	Chụp ảnh	3	23,201		50,000	1	50	119,603	5,980,150	
1.3	Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu chứng chỉ hành nghề đã được cấp, trường hợp bị mất chứng chỉ hành nghề thì phải có cam kết của người đề nghị cấp lại.	Photo chứng thực	3	23,201		20,000	1	50	89,603	4,480,150	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1.0	23,201		150,000	1	50	173,201	8,660,050	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác			23,201		750,000	1	50	750,000	37,500,000	
4	Nhận kết quả	Trực tiếp	1.0	23,201			1	50	23,201	1,160,050	
	TỔNG				0	971,400			1,203,410	60,170,500	



B. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢN HÓA

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ		8			55,400			241,008	12,050,400	
1.1	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.	In ấn	2.0	23,201		1,400	1	50	47,802	2,390,100	
1.2	02 ảnh màu cỡ 4 x 6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.	Chụp ảnh	3	23,201		50,000	1	50	119,603	5,980,150	
1.3	Bản sao hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu chứng chỉ hành nghề đã được cấp, trường hợp bị mất chứng chỉ hành nghề thì phải có cam kết của người đề nghị cấp lại.	Photo	3	23,201		4,000	1	50	73,603	3,680,150	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1.0	23,201		150,000	1	50	173,201	8,660,050	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác			23,201		750,000	1	50	750,000	37,500,000	
4	Nhận kết quả	Trực tiếp	1.0	23,201			1	50	23,201	1,160,050	
	TỔNG				0	955,400			1,187,410	59,370,500	

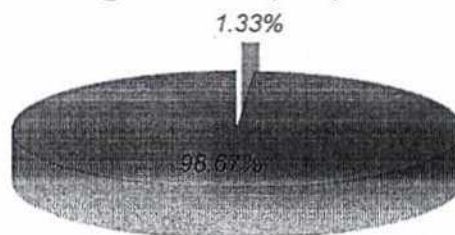


III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại hoặc dự kiến ban hành mới và sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung





Biểu số 08a

CHI PHÍ TUÂN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: ĐĂNG KÝ GIÁ

I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Biểu mẫu đăng ký giá (Phụ lục số 1)	Soạn thảo, đánh máy, in	3.0	23,201			1	230	68,997	15,869,310	
1.2	Bảng đăng ký mức giá bán cụ thể	Soạn thảo, đánh máy, in	3.0	23,201			1	230	68,997	15,869,310	
1.3	Thuyết minh cơ cấu tính giá hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá (đối với mặt hàng nhập khẩu)	Soạn thảo, đánh máy, in	3.0	23,201			1	230	68,997	15,869,310	
1.4	Thuyết minh cơ cấu tính giá hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá (đối với mặt hàng sản xuất trong nước)	Soạn thảo, đánh máy, in	3.0	23,201			1	230	68,997	15,869,310	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1.0	23,201			1	230	68,997	15,869,310	
3	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá cơ quan có thẩm quyền	Soạn thảo, đánh máy, in mẫu	1.0	23,201			1	230	68,997	15,869,310	
4	Công việc khác (nếu có)	Đi lại để nhận kết quả	1.5	23,201			1	230	68,997	15,869,310	
5	Nhận kết quả	Trực tiếp	1.0	23,201			1	230	68,997	15,869,310	
	TỔNG				0	0			551,976	126,954,480	



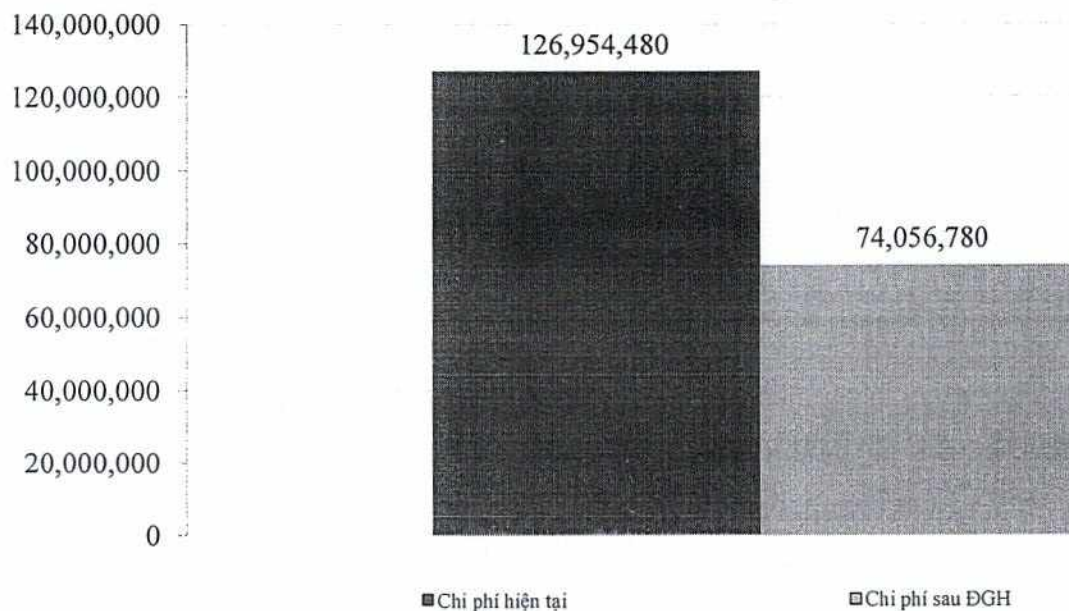
II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢN HÓA

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Bảng đăng ký mức giá bán cụ thể	Soạn thảo, đánh máy, in	1.5	23,201			1	230	45,998	10,579,540	
1.2	Thuyết minh cơ cấu tính giá hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá (đối với mặt hàng nhập khẩu)	Soạn thảo, đánh máy, in	2.0	23,201			1	230	45,998	10,579,540	
1.3	Thuyết minh cơ cấu tính giá hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá (đối với mặt hàng sản xuất trong nước)	Soạn thảo, đánh máy, in	2.0	23,201			1	230	45,998	10,579,540	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1.0	23,201			1	230	45,998	10,579,540	
3	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá cơ quan có thẩm quyền	Soạn thảo, đánh máy, in mẫu	1.0	23,201			1	230	45,998	10,579,540	
4	Công việc khác (nếu có)	Đi lại để nhận kết quả	1.0	23,201			1	230	45,998	10,579,540	
5	Nhận kết quả	Trực tiếp	1.0	23,201			1	230	45,998	10,579,540	
TỔNG					0	0			321,986	74,056,780	

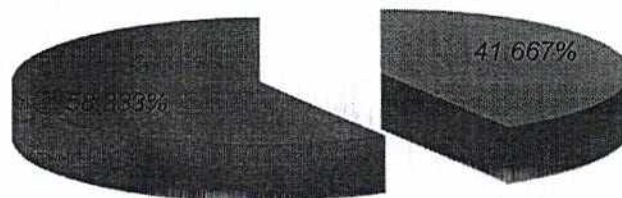


III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại hoặc dự kiến ban hành mới và sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung





CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Tên TTHC: Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản

I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Bản sao Giấy Chứng minh thư nhân dân	Phô tô	1.0	23,201		2,000	1	100	25,201	2,520,100	
1.2	Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT;	soạn đơn	2.0	23,201			1	100	46,402	4,640,200	
1.3	Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.										
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1.0	23,201			1	100	23,201	2,320,100	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác		2.0	23,201		30,000	1	100	76,402	7,640,200	
4	Nhận kết quả	Trực tiếp	1.0	23,201			1	100	23,201	2,320,100	
	TỔNG				0	2,000			194,407	19,440,700	



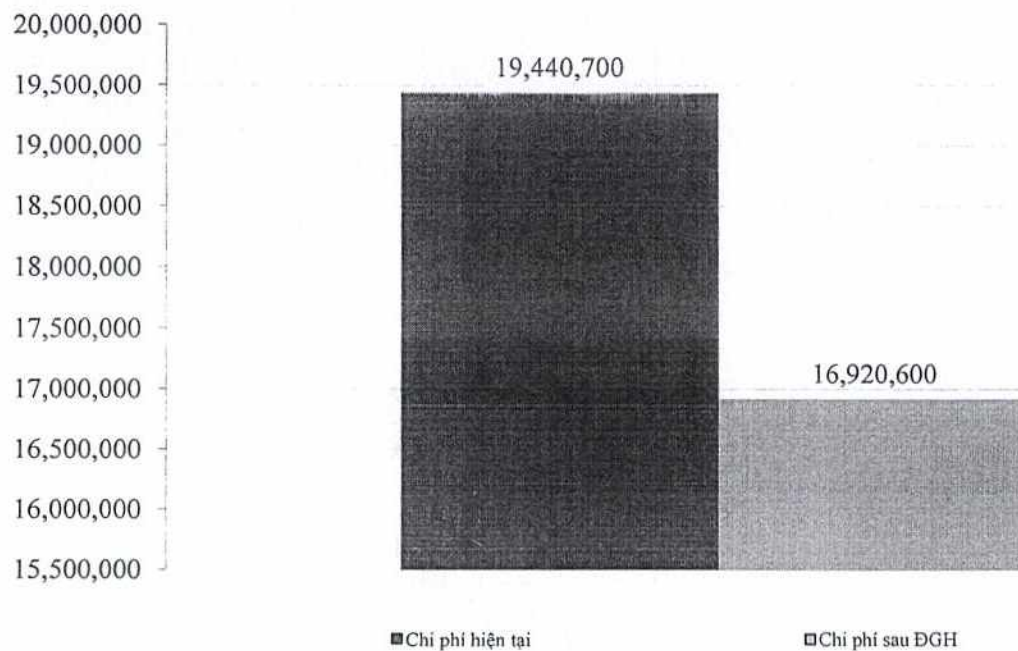
B. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢN HÓA

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.2	Đơn đề nghị xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT;	soạn đơn	2.0	23,201			1	100	46,402	4,640,200	
1.3	Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.										
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1.0	23,201			1	100	23,201	2,320,100	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác		2.0	23,201		30,000	1	100	76,402	7,640,200	
4	Nhận kết quả	Trực tiếp	1.0	23,201			1	100	23,201	2,320,100	
	TỔNG				0	30,000			169,206	16,920,600	

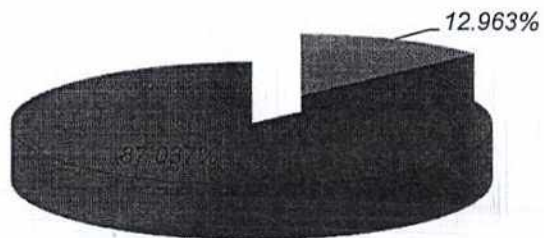


III.

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại hoặc dự kiến ban hành mới và sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung





Biểu số 10a

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Đăng ký nuôi con nuôi trong nước

CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đơn xin nhận con nuôi	Viết đơn	1.0	23,201			1	1	23,201	23,201	
1.2	Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân	Viết đơn	1.0	23,201		15,000	1	1	38,201	38,201	
1.3	Phiếu lý lịch Tư pháp	Viết tờ khai	1.0	23,201		200,000	1	1	223,201	223,201	
1.4	Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp,	Viết đơn	2.0	23,201		10,000	1	1	56,402	56,402	
1.5	Giấy khám sức khỏe của người nhận nuôi và người được nhận nuôi (do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp)	Điền thông tin Giấy khám sức khỏe; Khám sức khỏe ở bệnh viện	3.0	23,201		200,000	1	2	269,603	539,206	
1.6	Bản sao CMND, hộ chiếu của người nhận con nuôi, giấy khai sinh của người được nhận làm con nuôi và các giấy tờ khác	Phô tô	1.0	23,201		10,000	1	1	33,201	33,201	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	2.0	23,201			1	1	46,402	46,402	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác			23,201		400,000	1	1	400,000	400,000	
4	Nhận kết quả	Trực tiếp	1.0	23,201			1	1	23,201	23,201	
	TỔNG				0	835,000	9	10	1,113,412	1,383,015	



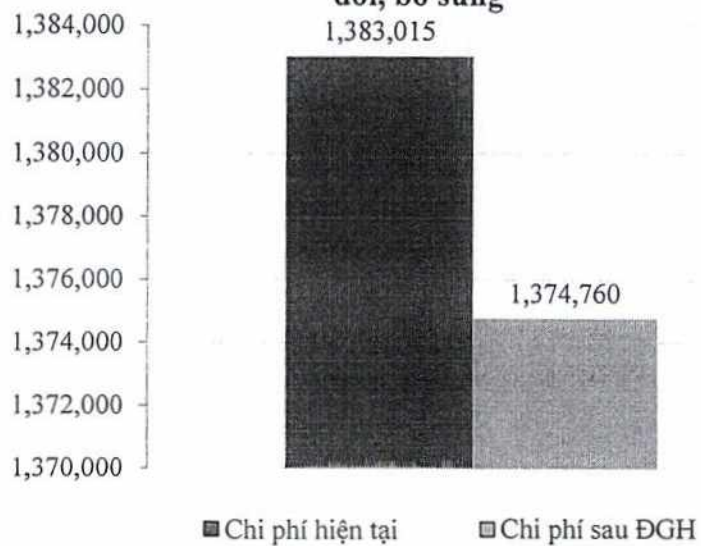
II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢN HÓA HOẶC DỰ KIẾN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đơn xin nhận con nuôi	Viết đơn	1.0	25,340			1	1	25,340	25,340	
1.2	Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp,	Viết đơn	2.0	25,340		10,000	1	1	60,680	60,680	
1.3	Phiếu lý lịch Tư pháp	Viết tờ khai	1.0	25,340		200,000	1	1	225,340	225,340	
1.4	Giấy khám sức khỏe của người nhận nuôi và người được nhận nuôi (do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp)	Điền thông tin Giấy khám sức khỏe; Khám sức khỏe ở bệnh viện	3.0	25,340		200,000	1	2	276,020	552,040	
1.5	Bản sao CMND, hộ chiếu của người nhận con nuôi, giấy khai sinh của người được nhận làm con nuôi và các giấy tờ khác	Phô tô	1.0	25,340		10,000	1	1	35,340	35,340	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	2.0	25,340			1	1	50,680	50,680	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác			23,201		400,000	1	1	400,000	400,000	
4	Nhận kết quả	Trực tiếp	1.0	25,340			1	1	25,340	25,340	
	TỔNG				0	820,000	8	9	1,098,740	1,374,760	



III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại hoặc dự kiến ban hành mới và sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung

